



USAID
FROM THE AMERICAN PEOPLE

Governance for Inclusive Growth Program

NHU CẦU CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA TÒA ÁN TRONG VIỆC ĐẢM BẢO THỰC THI HỢP ĐỒNG

**THE ASPIRATION OF ENTERPRISES TOWARDS COURTS'
ACTIVITIES IN ENFORCING CONTRACTS**
Executive Summary in English

Program Name:	USAID Governance for Inclusive Growth Program
Contract Number:	AID-OAA-I-12-00035/AID-486-TO-14-00002
Contractor Name:	Chemonics International Inc.
COR Name:	Nguyen Thi Bich Thuy
Publication Date:	September 30, 2018
Report Title:	The Aspiration of Enterprises Towards Courts' Activities in Enforcing Contracts
Author Name:	Nguyễn Hưng Quang
Expected Result:	ER1; KRA: 2.3; SPC004

The report “The Aspiration of Enterprises Towards Courts’ Activities in Enforcing Contracts” is within the technical assistance framework of the United States Agency for International Development (USAID) through the Governance for Inclusive Growth Program to the Vietnam Supreme People’s Court. The opinions expressed in this report are those of the author and do not necessarily reflect the views of USAID or the Government of the United States of America.

EXECUTIVE SUMMARY

ASPIRATION OF ENTERPRISES TOWARDS COURTS' ACTIVITIES IN ENFORCING CONTRACTS

Court activities play an important role in economic and social development by explaining market principles and rules, and the protection of economic rights. In recent years, the proportion of enterprises experiencing disputes has increased, while the proportion of enterprises willing to use court services is showing signs of decline. To ensure that contract enforcement is no longer a concern for investors, the government issues Resolution 19 annually to improve Vietnam's business environment and competitiveness. The target set for each resolution is in line with Vietnam's practical situation and the dynamics of each sector.

This report provides the perspective of enterprises regarding the court's performance on contract enforcement and analyzes in accordance with methodology of the World Bank. This report provides actual court operation in relation to contract enforcement in the following practices: (i) court structure and procedure; (ii) case management; (iii) court automation or another word e-court model; and (iv) and (iv) the court's support for alternative dispute resolutions.

Firstly, with regard to the court structure and procedure, the existence of the Economic Tribunals in the Provincial People's Courts has considerably enhanced the quality of adjudicating business and commercial cases. However, from the survey, there still are many enterprises that express the view that the organization and operation of specialized tribunals in the People's Courts at both provincial level and district level have not met the needs of enterprises in the settlement of business and commercial disputes. In addition, summary procedure/fast track procedure for small claims has not yet been applied in the surveyed courts.

Secondly, regarding the case management in the court, there are various positive changes in the 2015 Civil Procedure Code and other legal documents, yet, survey results show that enterprises are not aware of those changes, such as the “one-stop-shop” mechanism in petition receipt. Most of the surveyed courts are using computers for document drafting and storage, not for case management and communication.

Thirdly, with regard to the court automation or e-court model, the judiciary has not applied fully electronic procedures relating to civil and commercial disputes although the 2015 Civil Procedure Code creates new platform for the electronic procedures in relation to online submission and interaction between the courts and parties. According to the survey, businessmen do not know about the new platform.

Fourthly, regarding the court's support for the alternative dispute resolutions, businessmen recognized legal institutions on alternative dispute resolutions, such as arbitration and mediation. However, the enterprises still face

challenges in recognition of enforcement of the arbitral award from the People's Courts and relevant state authorities.

This report recommends to increase the number of judges with specialized training and in-depth knowledge on commercial and business cases, including areas as business organization, finance/credit, and arbitration/mediation. It is necessary to improve the capability of specialized tribunals and specialized judges in handling commercial cases. In addition, to further enhance the quality of judicial activities, this report also recommends that the courts improve the communication platform between the courts and citizens/enterprises to facilitate business in the new industrial revolution 4.0.

Moreover, the courts should advance their case management system in order to shorten the length of the litigation process as well as to improve the transparency of the court system. Improving the abovementioned issues will help the economy of Vietnam to be competitive in the world and in the region and contribute to building the rule of law state of Vietnam.

LỜI MỞ ĐẦU

Hoạt động của Tòa án có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, thể hiện qua vai trò giải thích các nguyên tắc, luật lệ của thị trường và bảo vệ quyền kinh tế. Trong những năm gần đây, tỷ lệ doanh nghiệp có tranh chấp về hợp đồng ngày một tăng, dường như tỷ lệ thuận với sự phát triển của thị trường và nền kinh tế. Tuy nhiên, tỷ lệ doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng dịch vụ Tòa án của các doanh nghiệp nhằm bảo vệ hợp đồng đang có dấu hiệu giảm sút thông qua các khảo sát ý kiến của doanh nghiệp tại Việt Nam của các tổ chức Việt Nam và quốc tế.

Trong khi đó, những năm gần đây Đảng, Nhà nước Việt Nam và Tòa án nhân dân tối cao có những chính sách vĩ mô nhằm cải cách hoạt động của ngành Tòa án để bảo đảm tốt hơn về quyền cho người dân và doanh nghiệp. Để những chính sách đó được hiện thực hoá, ngành Tòa án có những hành động cụ thể và quyết liệt từ cấp trung ương tới địa phương để giúp cho nền kinh tế của Việt Nam có sức cạnh tranh trên thế giới và góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền của Việt Nam.

Với mong muốn hỗ trợ việc thực thi Nghị quyết 19 của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh tại Việt Nam, Dự án Quản trị Nhà nước nhằm Tăng trưởng Toàn diện thuộc Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) đã phối hợp với Luật sư Nguyễn Hưng Quang_Công ty luật NHQuang&Cộng sự thực hiện một nghiên cứu về “Nhu cầu của doanh nghiệp đối với hoạt động của Tòa án nhằm bảo đảm thực thi hợp đồng tại Việt Nam”. Báo cáo được phân tích theo phương pháp của Báo cáo Môi trường Kinh doanh của Ngân hàng Thế giới dưới góc nhìn của doanh nghiệp về hoạt động của Tòa án để bảo đảm thực thi hợp đồng. Báo cáo này đã nêu lên một số tồn tại cần khắc phục để hoạt động của Tòa án trở nên hiệu quả, thân thiện đối với doanh nghiệp và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế tại Việt Nam.

Báo cáo này là kết quả nghiên cứu về môi trường kinh doanh của Việt Nam trong khuôn khổ Dự án Quản trị Nhà nước nhằm Tăng trưởng Toàn diện thuộc Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Mọi quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo này là của cá nhân tác giả và không nhất thiết thể hiện quan điểm của USAID hay Chính phủ Hoa Kỳ.

MỤC LỤC

EXECUTIVE SUMMARY	ii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	1
BÁO CÁO TÓM TẮT	2
I. ĐẶT VẤN ĐỀ	4
II. CHIẾN LƯỢC CẢI CÁCH TƯ PHÁP, CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA TÒA ÁN.....	6
III. Ý NGHĨA HOẠT ĐỘNG CỦA TÒA ÁN ĐỐI VỚI BẢO ĐẢM THỰC THI HỢP ĐỒNG VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP	7
IV. KHUYẾN NGHỊ.....	21
PHỤ LỤC 1: PHƯƠNG PHÁP LUẬN ĐO LƯỜNG CHỈ SỐ THỰC THI HỢP ĐỒNG CỦA BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2018	24
PHỤ LỤC 2: CHI TIẾT THỰC TRẠNG ĐẢM BẢO THỰC THI HỢP ĐỒNG TẠI VIỆT NAM THEO BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG KINH DOANH QUA CÁC NĂM 2014 - 2018.....	34
PHỤ LỤC 3: TỔNG HỢP THỰC TIỄN TỐT CỦA CÁC QUỐC GIA TRONG CẢI CÁCH ĐẢM BẢO THỰC THI HỢP ĐỒNG	51

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Bộ KHĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
BLTTDS 2015	Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
TTHC	Thủ tục hành chính
TAND	Tòa án nhân dân
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
THA/THADS	Thi hành án/Thi hành án dân sự

BÁO CÁO TÓM TẮT

Hoạt động của Tòa án có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, thể hiện qua vai trò giải thích các nguyên tắc, luật lệ của thị trường và bảo vệ quyền kinh tế. Trong những năm gần đây, tỷ lệ doanh nghiệp có tranh chấp ngày một tăng, trong khi tỷ lệ doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng dịch vụ Tòa án của các doanh nghiệp nhằm bảo vệ hợp đồng đang có dấu hiệu giảm sút. Để tăng cường niềm tin cho các doanh nghiệp, hàng năm Chính phủ đều ra Nghị quyết 19 về cải thiện môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của Việt Nam. Mục tiêu đặt ra tại mỗi nghị quyết hàng năm phù hợp với tình hình thực tiễn của Việt Nam và động lực cải cách của mỗi ngành.

Dưới góc nhìn của doanh nghiệp được phân tích theo phương pháp của Báo cáo Môi trường Kinh doanh của Ngân hàng Thế giới, Báo cáo này đã đưa ra và phân tích thực trạng hoạt động của Tòa án đối với vấn đề bảo đảm thực thi hợp đồng từ các góc độ: (i) cấu trúc Tòa án và quy trình tố tụng; (ii) Quản lý xét xử; (iii) Tự động hoá Tòa án hay áp dụng phương thức điện tử trong hoạt động của Tòa án; và (iv) Tòa án hỗ trợ áp dụng các phương thức giải quyết tranh chấp khác.

Thứ nhất, đối với cấu trúc Tòa án và quy trình tố tụng, việc thành lập Tòa Kinh tế tại các TAND cấp tỉnh đã góp phần nâng cao chất lượng xét xử các vụ việc kinh doanh, thương mại. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp nhận định rằng việc tổ chức hoạt động của các Tòa chuyên trách tại các TAND cấp tỉnh và cả cấp huyện chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp trong việc giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại, đặc biệt là những vụ việc đòi hỏi có tính chuyên sâu. Mô hình tố tụng rút gọn hay thủ tục tố tụng cho các vụ việc có giá trị nhỏ cũng chưa được áp dụng.

Thứ hai, đối với việc quản lý công tác xét xử tại Tòa án hiện nay đã có nhiều đổi mới nhưng lại chưa được các doanh nghiệp nhận biết, thủ tục hành chính tư pháp áp dụng cơ chế “một cửa” tại một số Tòa án, thời gian trong hoạt động tố tụng dân sự được quy định chặt chẽ tại BLTTDS 2015... nhưng người dân, doanh nghiệp lại chưa nhận biết được những đổi mới này. Đây có thể là vấn đề áp dụng pháp luật, chỉ thị của TANDTC không đồng đều, thống nhất giữa các Tòa án địa phương nên dẫn đến hệ quả giảm hiệu suất giải quyết và tiếp nhận đơn khởi kiện. Ngoài ra, việc điện tử hóa hoạt động của Tòa án tại nhiều tỉnh/thành phố mới chỉ dừng lại ở việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động soạn thảo văn bản, lưu trữ hồ sơ và quản lý nội bộ thay vì áp dụng để tương tác hành chính với người dân, doanh nghiệp và luật sư.

Thứ ba, đối với tự động hoá Tòa án hay áp dụng phương thức điện tử trong hoạt động của Tòa án hiện nay chưa được thực về thực trạng trong việc công khai các hoạt động của TAND, mặc dù BLTTDS 2015 đã có quy định về tiếp nhận đơn khởi kiện, chứng cứ trực tuyến và Hội đồng Thẩm phán TANDTC đã có nghị quyết hướng dẫn, những chế định này chưa được thực hiện triệt để trên thực tế. Điều này dẫn đến thực tế là doanh nghiệp không nhận biết được những cải cách này.

Thứ tư, về việc hỗ trợ việc áp dụng các phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn, các doanh nghiệp đã có những ghi nhận về quy định pháp luật đối với hoạt động trọng tài và hoà giải. Tuy nhiên, để các phương thức này được phát triển thì cũng đòi hỏi ngành Tòa án có những biện pháp, cơ chế hỗ trợ.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng của hoạt động tư pháp phục vụ cho hoạt động kinh doanh, ngành Tòa án cần tiếp tục cải thiện hệ thống Tòa án theo hướng thúc đẩy tương tác giữa Tòa án và doanh nghiệp/người dân bằng phương thức điện tử nhằm tạo điều kiện thuận tiện cho doanh nghiệp trong thời đại công nghiệp mới 4.0. Tòa án cần đẩy mạnh tính chuyên trách để giải quyết các vụ việc thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại, đặc biệt cần có những thẩm phán được tập trung đào tạo, có chuyên môn sâu về các án kinh doanh thương mại, bao gồm các lĩnh vực như tổ chức hoạt động doanh nghiệp, tài chính-tín dụng, trọng tài-hoà giải.

Toà án cần tăng cường quản lý thời hạn tố tụng để có thể rút ngắn được tình trạng giải quyết án kéo dài, công khai thông tin về phân công án và tiến trình giải quyết vụ án một cách minh bạch cũng như cải thiện hoạt động giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án. Cải thiện được những vấn đề nêu trên sẽ giúp cho nền kinh tế của Việt Nam có sức cạnh tranh trên thế giới và trong khu vực và góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền của Việt Nam./.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bảo đảm thực thi hợp đồng là một trong những yếu tố then chốt để thúc đẩy hoạt động đầu tư và thương mại¹. Các nhà đầu tư, doanh nghiệp trên toàn cầu đều có một mong muốn chung về một hệ thống pháp luật và hệ thống cơ quan tư pháp tại nơi đầu tư hoặc có hoạt động kinh doanh phải rõ ràng, minh bạch, dễ dàng thực thi để bảo vệ được tài sản, hợp đồng của họ. Tòa án có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế và xã hội², thể hiện qua vai trò trong việc giải thích các nguyên tắc, luật lệ của thị trường và bảo vệ quyền kinh tế. Nhiều nghiên cứu kinh tế cũng chỉ ra rằng một hệ thống Tòa án độc lập, có hiệu quả, có chất lượng và minh bạch sẽ giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua việc bảo đảm thực thi hợp đồng, bảo vệ tài sản của người dân³ và người dân, doanh nghiệp tin tưởng vào hệ thống pháp luật⁴.

Theo thống kê của VCCI, tỷ lệ doanh nghiệp có tranh chấp ngày một tăng, trong khi tỷ lệ doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng dịch vụ Tòa án của các doanh nghiệp lại đang có dấu hiệu giảm sút (năm 2013, có 59,74% doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng Tòa án; năm 2014, tỷ lệ này còn là 50,48% và năm 2015, tỷ lệ này chỉ còn 37,50%)⁵.

Đây cũng không phải là vấn đề riêng của Việt Nam bởi theo khảo sát của Ngân hàng Thế giới, một tỷ lệ không nhỏ doanh nghiệp, người dân ở các quốc gia khác nhau vẫn nhận thấy hoạt động của Tòa án chưa tạo điều kiện cho phát triển kinh tế (14,4% các doanh nghiệp trên thế giới và 6,3% doanh nghiệp ở khu vực Đông Á và Thái Bình Dương)⁶. Khi người dân, doanh nghiệp không yên tâm về hệ thống Tòa án, họ có thể tìm kiếm các thể chế giải quyết chấp khác, như trọng tài, hoà giải chuyên nghiệp và cả những cơ chế giải quyết trái pháp luật như xã hội đen⁷.

† Tác giả xin chân thành cảm ơn các cộng sự Nguyễn Thuỳ Dương, Vũ Thị Diệu Thảo, Lê Hải Linh và Lê Mai Phương của NHQuang&Cộng sự đã giúp đỡ trong việc tìm kiếm, dịch thuật, tóm tắt và trao đổi để tác giả hoàn thành nghiên cứu này.

¹ Montesquieu đề cập đến trong cuốn “Tinh thần luật pháp” (the Spirit of Law) và Adam Smith trong cuốn “Tìm hiểu về bản chất và nguồn gốc của cải của các quốc gia” (An inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations).

² Dam, Kenneth W., *The Judiciary and Economic Development* (Tháng 10 2006). U Chicago Law & Economics, Olin Working Paper No. 287. Đường link SSRN: <http://ssrn.com/abstract=892030> hoặc <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.892030>.

³ Klerman, Daniel M., *Legal Infrastructure, Judicial Independence, and Economic Development*. 19 Pacific McGeorge Global Business & Development Law Journal 427-34 (2007); USC CLEO Research Paper No. C06-1; USC Law Legal Studies Paper No. C06-1. Truy cập đường link SSRN: <https://ssrn.com/abstract=877490> or <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.877490>; Voigt, Stefan and Gutmann, Jerg and Feld, Lars P., *Economic Growth and Judicial Independence, a Dozen Years On: Cross-Country Evidence Using an Updated Set of Indicators* (19 tháng 08 năm 2014). European Journal of Political Economy, Vol. 38, 2015. Truy cập đường link SSRN: <https://ssrn.com/abstract=2482982>

⁴ Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business) 2012, *Why does commercial dispute resolution matter?*, trang 01

⁵ VCCI, Báo cáo PCI 2014, 2015 và 2016.

⁶ Ngân hàng Thế giới, *Khảo sát Doanh nghiệp (Enterprise Surveys), Việt Nam*. truy cập đường link: <http://www.enterprisesurveys.org/data/exploreeconomies/2015/vietnam#2>

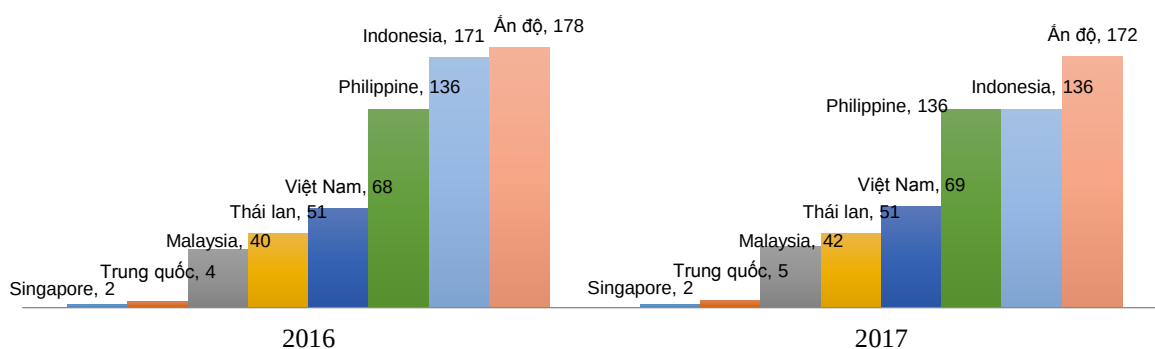
⁷ Avinash K. Dixit, *Lawlessness and Economics*, trang 14, 2004.

4 NHU CẦU CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA TÒA ÁN TRONG VIỆC ĐẢM BẢO THỰC THI HỢP ĐỒNG

Nhận thức được tầm quan trọng của một hệ thống tư pháp hiệu quả đối với môi trường kinh doanh, một số nghiên cứu quốc tế đã có đánh giá hoạt động của Tòa án đối với môi trường kinh doanh, môi trường an toàn đầu tư và bảo đảm tài sản của doanh nghiệp. Chỉ số Bảo đảm thực thi hợp đồng (Enforcing contract) đã trở thành 01 (một) trong 10 (mười) chỉ số để đánh giá sự thuận lợi của môi trường kinh doanh tại 190 nền kinh tế trong Nghiên cứu về Môi trường kinh doanh (Doing Business) của Ngân hàng Thế giới⁸. Chỉ số Bảo đảm thực thi hợp đồng được xây dựng từ 02 (hai) yếu tố là Hiệu quả và Chất lượng của hệ thống tư pháp trong việc giải quyết tranh chấp thương mại. Trong đó, yếu tố Hiệu quả được đo lường bởi thời gian (từ khi nộp đơn đến khi THA) và chi phí; yếu tố Chất lượng được đo lường bởi cấu trúc Tòa án và quy trình tố tụng, việc quản lý xét xử, tự động hoá Tòa án, việc sử dụng phương pháp giải quyết tranh chấp thay thế và chất lượng quy trình tư pháp (xem chi tiết tại Phụ lục 2 của Báo cáo này).

Theo Nghiên cứu về Môi trường kinh doanh trong một vài năm gần đây, Chỉ số Bảo đảm thực thi hợp đồng của Việt Nam thường ở mức trung bình thấp so với một số nước ở khu vực Đông Á và Thái Bình Dương⁹ và thấp hơn 03 (ba) quốc gia ở khu vực ASEAN được đánh giá có môi trường kinh doanh tốt nhất (Singapore, Malaysia, Thái Lan)¹⁰ (xem chi tiết tại Hình 1 dưới đây).

Hình 1. So sánh chỉ số Bảo đảm thực thi hợp đồng tại các quốc gia



Nguồn: Báo cáo Môi trường kinh doanh 2017 (lưu ý: số càng nhỏ là vị trí càng cao)

Có thể nhận thấy rằng việc bảo đảm thực thi hợp đồng ở Việt Nam là một vấn đề quan ngại cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài.

⁸ 10 chỉ số bao gồm: Khởi sự doanh nghiệp, Giấy phép xây dựng, Tiếp cận điện năng, Đăng ký tài sản, Tiếp cận tín dụng, Bảo vệ cổ đông thiểu số, Nộp thuế, Thương mại qua biên giới, Bảo đảm thực thi hợp đồng và Phá sản doanh nghiệp. Truy cập đường link <http://www.doingbusiness.org/data>

⁹ Các quốc gia được so sánh bao gồm: 04 (bốn) nước dẫn đầu ASEAN (thường được gọi là ASEAN-4) là Singapore, Malaysia, Thái Lan và Philippines và Trung Quốc, Ấn Độ là 02 (hai) quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế tốt.

¹⁰ Theo Báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business), truy cập đường link <http://www.doingbusiness.org>, điểm trung bình 2017 của Khoảng cách đến điểm chuẩn (DTF) của khu vực Đông Á – Thái Bình Dương (East Asia & Pacific) là 52,91 trong khi của Việt Nam là 60,22.

Điều này đòi hỏi Việt Nam phải có một chiến lược cải cách tư pháp xuất phát từ nhu cầu của doanh nghiệp để góp phần cải thiện môi trường kinh doanh.

II. CHIẾN LƯỢC CẢI CÁCH TƯ PHÁP, CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA TOÀ ÁN

Bắt đầu từ năm 2014, Chính phủ đều có những chỉ đạo quyết liệt về cải thiện môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của Việt Nam, như Nghị quyết 19/NQ-CP. Nghị quyết 19 đặt ra các mục tiêu hàng năm phù hợp với tình hình thực tiễn của Việt Nam và động lực cải cách của mỗi ngành. Nghị quyết 19 sử dụng khảo sát quốc tế để nhìn nhận sự thay đổi của môi trường kinh doanh của Việt Nam theo thời gian; so sánh Việt Nam với khu vực và quốc tế; xác định điểm mạnh và điểm yếu của Việt Nam. Nghị quyết 19 lấy mức trung bình về môi trường kinh doanh của khu vực ASEAN (ASEAN-6 và ASEAN-4) theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới¹¹ làm mục tiêu phải đạt được, xem xét khoảng cách cụ thể giữa mức độ hiện tại và mục tiêu để xác định giải pháp, quy mô và mức độ của các giải pháp tương ứng, đồng thời xác định hành động giải pháp cụ thể đối với vấn đề cần giải quyết. Nghị quyết 19 hàng năm phân công tổ chức thực hiện khá cụ thể đối với các Bộ, cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện. Theo đó, Bộ KHĐT được giao nhiệm vụ thường xuyên theo dõi, đánh giá và định kỳ quý báo cáo Chính phủ; Bộ Tư pháp thường xuyên được giao trách nhiệm nâng cao chất lượng của các chỉ số Bảo đảm thực thi hợp đồng; TANDTC là cơ quan được đề nghị phối hợp với các hoạt động nâng cao chỉ số Bảo đảm thực thi hợp đồng và chỉ số Giải quyết phá sản doanh nghiệp.

Cụ thể, Nghị quyết 19 năm 2014 tập trung cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh cải cách TTHC, rút ngắn quy trình xử lý, giảm thời gian thực hiện TTHC, giảm chi phí hành chính, bảo đảm công khai, minh bạch và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước. Bộ Tư pháp có trách nhiệm rà soát, đánh giá và có ý kiến góp ý về quy trình giải quyết tranh chấp hợp đồng nói riêng và tranh chấp dân sự nói chung theo hướng giảm thủ tục, giảm thời gian, giảm chi phí giải quyết tranh chấp hợp đồng với những vụ việc đơn giản.

Nghị quyết 19 năm 2015 giao cho các Bộ, cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ nhiệm vụ phối hợp với TANDTC trong quá trình hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan đến việc tranh chấp thương mại theo hướng đơn giản hoá thủ tục, quy trình và rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp thương mại xuống còn tối đa 200 ngày (hiện nay là 400 ngày) và 24 tháng (hiện nay là 60 tháng), nhất là đối với các tranh chấp quy mô nhỏ và giữa các doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua Tòa án.

Nghị quyết 19 năm 2016 giao cho Bộ Tư pháp phối hợp với TANDTC hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan đến thực thi BLTTDS 2015, hướng dẫn thực hiện Luật THADS. Bộ Tư pháp cũng có trách nhiệm rà soát, sửa

¹¹ ASEAN-4 là 4 nước dẫn đầu ASEAN về Chỉ số Môi trường kinh doanh. ASEAN-6 là 6 nước dẫn đầu ASEAN về Chỉ số Môi trường kinh doanh.

đổi, bổ sung các văn bản liên quan đến THADS theo hướng đơn giản hoá, tạo thuận lợi cho công tác THA; hoàn thiện các quy định về thừa phát lại để thúc đẩy phát triển mạng lưới thừa phát lại trên toàn quốc, nâng cao hiệu quả công tác THA và hành chính tư pháp của Tòa án.

Nghị quyết 19 năm 2017 giao cho Bộ Tư pháp phối hợp với TANDTC hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan đến thực thi BLTTDS 2015, đẩy nhanh việc giải quyết tranh chấp hợp đồng theo hướng đơn giản hoá quy trình, nội dung hồ sơ, bãi bỏ hồ sơ, thủ tục không cần thiết, rút ngắn thời gian, giảm chi phí giải quyết tranh chấp thương mại. Nghị quyết 19 năm 2017 cũng đề nghị Hội đồng Thẩm phán TANDTC sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thực thi BLTTDS 2015; nghiên cứu áp dụng mô hình “hành chính tư pháp một cửa” tại các cấp Tòa án; áp dụng thủ tục tổ tụng rút gọn đối với các vụ việc có giá trị nhỏ, hoàn thiện mô hình “Tòa án điện tử”; nâng cao tính chuyên nghiệp trong việc giải quyết tranh chấp thương mại, công khai các hoạt động giải quyết vụ việc của Tòa án và công khai các bản án.

Nghị quyết 19 năm 2018 tiếp tục bám sát các tiêu chí đánh giá về môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới, đặt ra mục tiêu chỉ số Giải quyết tranh chấp hợp đồng (chính là chỉ số Bảo đảm thực thi hợp đồng) tăng thêm 10 (mười) bậc. Chính phủ uỷ quyền cho Bộ Tư pháp, Bộ KHĐT phối hợp với TANDTC, Viện kiểm sát nhân dân tối cao nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải thiện chỉ số này.

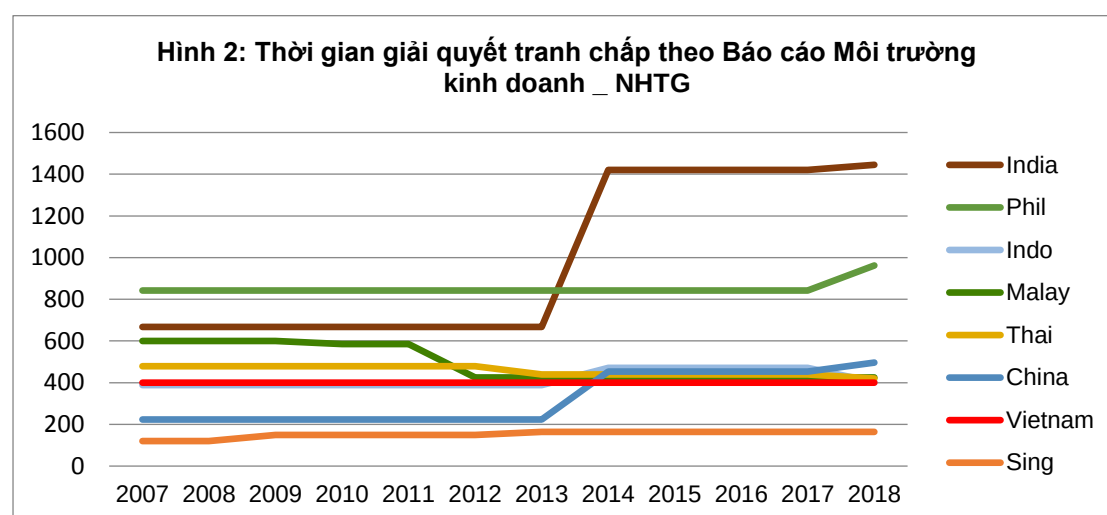
Những yêu cầu về cải thiện chỉ số Bảo đảm thực thi hợp đồng hay Phá sản doanh nghiệp cũng phù hợp với những nhiệm vụ trọng tâm về cải cách pháp luật và tư pháp được nêu trong Nghị quyết 48-NQ/TW và Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải cách hệ thống pháp luật và cải cách tư pháp.

III. Ý NGHĨA HOẠT ĐỘNG CỦA TÒA ÁN ĐỐI VỚI BẢO ĐẢM THỰC THI HỢP ĐỒNG VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

1. Thời gian giải quyết tranh chấp

Thời gian giải quyết tranh chấp được tính kể từ người dân, doanh nghiệp nộp đơn tới Tòa án cho đến khi hoàn thành việc THA. Theo cách tính toán của Ngân hàng Thế giới, thời gian giải quyết tranh chấp được chia thành 03 (ba) giai đoạn: thụ lý, xét xử và tuyên án, THA (xem Bảng 1). Nhiều quốc gia trên thế giới cũng tập trung rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp thông qua nhiều biện pháp khác nhau, như đơn giản hoá thủ tục tố tụng dân sự, áp dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận và xử lý đơn, chứng cứ, thiết lập các tòa án chuyên trách về kinh doanh thương mại, tòa án xử lý những vụ việc có giá trị nhỏ... Trong khu vực Đông Nam Á, Malaysia là một ví dụ điển hình về các hoạt động cải cách tư pháp và hành chính. Những cải cách này đã rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp trong vòng 10 (mười) năm (2007-2018) từ 600 ngày xuống còn 425 ngày (xem Hình 2). Cùng với những cải cách khác, thứ hạng về Giải quyết tranh chấp hợp đồng của Malaysia hiện nay xếp thứ 42 (cao hơn Việt Nam đang xếp thứ 68). Cần lưu ý rằng, thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng ở Việt Nam qua 10 (năm) năm không có

thay đổi.



Tuy vậy, so với các nước ASEAN-4 và một số quốc gia Đông Á, thời gian giải quyết tranh chấp của Việt Nam ở mức tốt, chỉ kém Singapore (theo Bảng 1).

Bảng 1. Thời gian Thực thi hợp đồng tại một số quốc gia – Báo cáo Môi trường Kinh doanh (2018)

2017	Trung Quốc	Ấn Độ	Singapore	Thái Lan	Malaysia	Philippines	Indonesia	Việt Nam
Thời gian giải quyết vụ án (ngày)	452,8	1.420	164	440	425	842	460	400
Thụ lý	21	20	6	60	35	58	60	50
Xét xử và tuyên án	195	1.095	118	260	270	580	220	200
Thi hành án	190	305	26	120	120	204	180	150

Theo một nghiên cứu của Ban Kinh tế trung ương, thời gian thực thi hợp đồng của Việt Nam ở mức trung bình cao so với các quốc gia ở các mức thu nhập bình quân đầu người khác nhau. Tuy nhiên, dù thời gian thực thi hợp đồng của Việt Nam tốt hơn một số quốc gia khác nhưng tỷ lệ chi phí giải quyết tranh chấp hợp đồng của Việt Nam lại cao hơn nhiều quốc gia. Việc chi phí giải quyết tranh chấp hợp đồng có liên quan mật thiết đến thời gian giải quyết tranh chấp. Do đó, nếu Việt Nam muốn cải thiện môi trường kinh doanh để phát triển kinh tế tốt hơn, cải thiện thu nhập bình quân đầu người thì Việt Nam cần phải rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng¹².

¹² Ban Kinh tế trung ương – Cơ quan hợp tác phát triển Hoa Kỳ, *Chuẩn đoán tăng trưởng kinh tế Việt Nam*, trang 229-230.

Đối với ngành Tòa án tại Việt Nam, thời gian giải quyết tranh chấp sẽ bao gồm giai đoạn thụ lý và giai đoạn xét xử và tuyên án. Việc kiểm soát và rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp phụ thuộc vào nhiều yếu tố: thụ lý vụ án, phân công giải quyết vụ án, giải quyết vụ án, cấp bản án... Như minh họa ở Hình 2, thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng ở Việt Nam trong 10 (mười) năm qua không có thay đổi (400 ngày). Cần lưu ý rằng, Việt Nam đã ban hành BLTTDS 2015 với những quy định rõ ràng hơn về quy trình tiếp nhận và thụ lý đơn khởi kiện, công khai chứng cứ, hoà giải trong quá trình tố tụng và ngoài Tòa án, xác định rõ các khoản thời gian của từng bước, công đoạn tố tụng. Như vậy, có thể nói rằng những tinh thần đổi mới và cải cách của Tòa án cũng như từ BLTTDS 2015 chưa thực sự được doanh nghiệp nhận biết. Nói cách khác, những cải cách này có thể chưa được nghiêm túc thực hiện trên thực tế.

a. Cơ chế thụ lý vụ án

Thời gian thụ lý giải quyết vụ việc ở Việt Nam tương đối dài, chiếm đến 12,5% tổng số thời gian giải quyết vụ việc và dài hơn so với nhiều quốc gia khác (xem chi tiết tại Bảng 1). Khoảng thời gian tiếp nhận đơn khởi kiện dài sẽ tác động tới tâm lý của người khởi kiện và niềm tin của họ vào hệ thống xét xử cũng như là bảo đảm quyền khởi kiện của người dân, doanh nghiệp (xem Phụ lục 2)¹³.

Khác với các cơ quan hành chính nhà nước, các Tòa án ở Việt Nam không có mô hình “một cửa-một đầu mối” thống nhất trên toàn quốc để tiếp nhận đơn khởi kiện. Vấn đề này gây lúng túng cho người nộp đơn, đặc biệt những người nộp đơn sinh sống ở một địa phương nhưng nộp đơn khởi kiện ở địa phương khác¹⁴...

Thực tế, một số Tòa án địa phương đang triển khai các hoạt động cải cách hành tư pháp, áp dụng cơ chế “một cửa” trong việc tiếp nhận đơn khởi kiện các vụ án dân sự, kinh doanh thương mại cũng như tiến hành các thủ tục khác liên quan đến vụ kiện của các bên, như TAND thành phố Hồ Chí Minh, TAND tỉnh Quảng Bình, TAND tỉnh Thừa Thiên Huế, TAND tỉnh Vĩnh Long, TAND thành phố Hải Phòng, TAND tỉnh Bắc Ninh, TAND tỉnh Nam Định... Tuy nhiên, có một vấn đề lớn hiện nay đối với cơ chế “một cửa” hành chính tư pháp tại nhiều Tòa án hiện nay, đó là nguyên đơn rất khó được tiếp nhận đơn kiện ngay trong lần nộp đầu tiên vì một số lý do phổ biến như sau:

- i. Người nộp đơn không hiểu về thủ tục nộp đơn, yêu cầu đối với nội dung đơn khởi kiện nên phải tới tìm hiểu tại Tòa án;

¹³ Theo nghiên cứu của Hội luật gia Việt Nam – Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc – Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển hỗ trợ cộng đồng, *Chỉ số Công lý 2015 – Hướng tới một nền tư pháp toàn dân* thì thời gian giải quyết tranh chấp thương mại trung bình khoảng 16 tháng (tương đương 480 ngày), trang 38, 2016; NHQuang&Cộng sự, *Khảo sát Thực thi hợp đồng tại Việt Nam*, 2016, xem Phụ lục 3.

¹⁴ Bộ Tư pháp – Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp trung ương - Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc, *Báo cáo thực trạng quản lý hành chính tại Tòa án Việt Nam*, 2014.

- ii. Người nộp đơn phải thực hiện phải thực hiện các thủ tục về xác minh địa chỉ bị đơn, nộp chứng cứ xác nhận là đã gửi đơn kiện và các chứng cứ liên quan cho bị đơn theo quy định tại khoản 9, Điều 70 và khoản 5, Điều 96, BLTTDS 2015;
- iii. Người nộp đơn phải nộp tạm ứng án phí tại cơ quan THA theo quy định tại Điều 146 BLTTDS 2015 và Điều 10 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trong trường hợp doanh nghiệp nộp đơn thì phải thực hiện việc chuyển khoản qua ngân hàng và chờ xác nhận của Kho bạc nơi cơ quan THA có thẩm quyền xác nhận đã nhận được tiền hoặc doanh nghiệp nộp đơn phải nộp bằng tiền mặt trực tiếp tại cơ quan THA theo quy định tại Điều 10 và Điều 19, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Sau lần nộp được đơn khởi kiện đầu tiên thành công tại Tòa án, người nộp đơn vẫn có thể phải chờ vài ngày để Tòa án quyết định đơn khởi kiện có cơ sở để thụ lý hay không. Hiện tại, do các Tòa án cũng chưa triển khai các hoạt động thông báo quá trình xử lý đơn khởi kiện bằng phương thức điện tử nên người dân/doanh nghiệp vẫn phải trực tiếp tới trụ sở của Tòa án để nhận kết quả và tìm hiểu những vấn đề cần khắc phục nếu đơn và các chứng cứ kèm theo chưa đáp ứng các yêu cầu của pháp luật. Điều này đã gây ra những hạn chế về việc phải đi lại tới trụ sở Tòa án, thời gian giải quyết vụ án cũng như là tính minh bạch, công khai trong việc thụ lý. Thực tiễn này đòi hỏi ngành Tòa án cần có những cải thiện nhất định để việc thụ lý đơn khởi kiện của người dân trở nên dễ dàng hơn.

b. Thời gian xét xử và tuyên án

Thời gian xét xử và tuyên án ở Việt Nam là tương đối ngắn, chỉ kém Singapore và Trung Quốc. Như đã nêu ở trên, BLTTDS 2015 đã có nhiều thay đổi về thời hạn tố tụng cũng như các biện pháp quản lý vụ án để bảo đảm việc rút ngắn thời gian giải quyết vụ án nhưng những thay đổi này chưa được phản ánh trên thực tế nên thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng tại Việt Nam trong 10 (mười) năm qua không thay đổi.

Một vấn đề đáng lưu ý là mặc dù thời gian xét xử và tuyên án của Việt Nam đạt mức tốt so với các nước ASEAN-4, Trung Quốc và Ấn Độ, nhưng khoảng thời gian này của nhiều quốc gia cũng ở trong khoảng trên hoặc dưới sát với 200 ngày của Việt Nam. Do đó, Việt Nam cần tiếp tục cải cách thời gian của công đoạn này. Dư địa cải cách thời gian giai đoạn này là việc cần tăng cường giao dịch điện tử giữa Tòa án với các bên đương sự và với các cơ quan nhà nước khác trong việc xác minh chứng cứ, tổng đạt, gửi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Chất lượng của Hệ thống tư pháp

a. Mô hình tố tụng giải quyết vụ án kinh doanh thương mại

a.1. Tính chuyên trách về giải quyết án kinh doanh – thương mại:

10 NHU CẦU CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA TÒA ÁN TRONG VIỆC ĐẢM BẢO THỰC THI HỢP ĐỒNG

Tính chuyên nghiệp, chuyên sâu trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại có mối liên hệ mật thiết tới chất lượng và thời gian giải quyết tranh chấp.

Thống kê của Báo cáo Môi trường Kinh doanh 2018 cho thấy 99 trong số 190 nền kinh tế thuộc đối tượng nghiên cứu của Báo cáo này có hệ thống Tòa chuyên trách về kinh doanh thương mại - được hình thành trên cơ sở thiết lập một Tòa chuyên trách độc lập xử lý các tranh chấp về kinh doanh thương mại, hoặc trên cơ sở xây dựng một bộ phận chuyên trách hoặc nhóm Thẩm phán chuyên trách về giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại, điển hình:

- Những quốc gia có các Tòa án chuyên trách giải quyết tranh chấp về kinh doanh thương mại độc lập (ví dụ như Áo, Bỉ, Bờ biển Ngà, Mali, Sri Lanka, Trung Quốc, Ấn Độ, Liên bang Nga, Việt Nam... (xem Phụ lục 2 kèm theo).
- Những quốc gia có bộ phận chuyên trách giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại trong Tòa án (ví dụ như Bénin, Kenya, Nigeria - Lagos, Uganda, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ - New York... xem Phụ lục 3 kèm theo).

Trong bối cảnh trên, hệ thống Việt Nam về hợp đồng và các hoạt động thương mại ngày một phát triển. Pháp luật hợp đồng và tổ tụng dân sự cho phép Tòa án được sử dụng các nguồn luật khác nhau để giải quyết tranh chấp hợp đồng, như luật, tập quán, tương tự pháp luật, án lệ và lễ công bằng. Trong quá trình hội nhập sâu rộng như hiện nay, Việt Nam cũng tham gia ký kết nhiều các điều ước quốc tế về thương mại, đầu tư song phương và đa phương nên đòi hỏi hệ thống Tòa án phải có đội ngũ Thẩm phán chuyên trách giải quyết tranh chấp thuộc lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

Kể từ năm 1995, hệ thống Tòa án đã thành lập các tòa án chuyên trách ở cấp tỉnh: Tòa Hình sự, Tòa Dân sự, Tòa kinh tế, Tòa hành chính và Tòa lao động¹⁵. Việc thành lập Tòa kinh tế tại các TAND cấp tỉnh đã góp phần nâng cao chất lượng xét xử, tính chuyên sâu trong hoạt động nghiệp vụ xét xử của Thẩm phán. Ưu điểm này của hệ thống Tòa án Việt Nam được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận trong nghiên cứu Môi trường kinh doanh (Doing Business) của Ngân hàng Thế giới trong nhiều năm qua.

Để tăng cường tính chuyên sâu trong hoạt động xét xử, một số quốc gia thành lập các Tòa án có tính chuyên sâu hơn nữa trong hoạt động kinh doanh thương mại, như Tòa Phá sản (Bankruptcy Court), Tòa cho các vụ việc có giá trị nhỏ (Small Claim Court)...¹⁶

¹⁵ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 1995, Điều 1, khoản 3, khoản 6

¹⁶ Theo Báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business) 2018 (Bảng 7.1), từ năm 1998 Thái Lan đã áp dụng Tòa án chuyên trách về Phá sản (Specialized Bankruptcy Court); Theo Báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business), Số liệu (Data), Chỉ số Bảo đảm thực thi hợp đồng (Enforcing Contracts), *Introducing small claims courts or simplified procedures for small claims*. Truy cập đường link <http://www.doingbusiness.org/en/data/exploretopics/enforcing->

Theo Luật TCTAND 2014, Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ quyết định thành lập Tòa chuyên trách khác (bao gồm Tòa kinh tế) tại TAND cấp huyện theo đề nghị của Chánh án TANDTC. Chánh án TANDTC cũng có thể quyết định việc tổ chức Tòa chuyên trách tại TAND cấp huyện theo thực tế xét xử ở mỗi TAND cấp huyện¹⁷. Tuy nhiên, hiện nay Chánh án TANDTC cũng chưa đề xuất hoặc tổ chức thêm Tòa chuyên trách tại bất kỳ TAND cấp huyện nào.

Mặc dù đã có Tòa Kinh tế để chuyên trách giải quyết các vụ án kinh doanh-thương mại và phá sản, nhưng trên thực tế tại nhiều TAND cấp tỉnh, Thẩm phán của Tòa Kinh tế không xét xử chuyên trách án kinh doanh thương mại. Thẩm phán tại các TAND cấp huyện phần lớn giải quyết các loại vụ án, vụ việc khác nhau (hình sự, dân sự, kinh doanh thương mại, hôn nhân gia đình, phá sản). Rất hiếm các Thẩm phán tại TAND cấp huyện thực hiện công tác xét xử chuyên trách loại vụ việc liên quan đến kinh doanh thương mại¹⁸.

Việc không tổ chức chuyên trách kinh doanh thương mại cũng sẽ làm hạn chế cơ hội đào tạo, tập huấn chuyên môn sâu về những lĩnh vực kinh doanh, thương mại cho các Thẩm phán, đặc biệt là trong những hoạt động kinh doanh thương mại có tính đặc thù hoặc cần phải có sự cập nhật về thông tin cũng như các chia sẻ kinh nghiệm giải quyết tranh chấp quốc tế, các mối quan hệ đầu tư kinh doanh mới. Thực tế cho thấy, khi Thẩm phán không chuyên sâu trong hoạt động giải quyết các loại án kinh doanh thương mại, phá sản sẽ dẫn đến việc giải quyết các loại vụ án này bị kéo dài, chất lượng giải quyết không cao. Hậu quả là doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài sẽ mất niềm tin vào môi trường đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.

a.2. Mô hình tổ tụng giải quyết các vụ việc có giá trị nhỏ hoặc thủ tục rút gọn cho vụ việc có giá trị nhỏ:

Ngân hàng Thế giới có đánh giá, tính điểm cho những quốc gia/nền kinh tế có mô hình Tòa án chuyên trách giải quyết các vụ việc có giá trị nhỏ nhằm mục tiêu nâng cao tính chuyên trách cũng như giảm thời gian giải quyết vụ án¹⁹. Theo thông kê của Ngân hàng Thế giới, hiện có 133 nền kinh tế có mô hình tổ tụng/Tòa án giải quyết các vụ việc có giá trị nhỏ hoặc xây dựng quy trình rút gọn cho các vụ việc nhỏ trong tòa sơ thẩm. Trong số 133 quốc gia này, có 121 quốc gia cho phép các bên được tiến hành tự đại diện trong quá trình tổ tụng. Hệ thống Tòa án riêng biệt để xử lý những vụ việc có giá trị nhỏ đã giúp các quốc gia đáp ứng được những mục tiêu về hiệu suất hoạt động của Tòa

contracts/good-practices#Introducing, đã có 133 quốc gia có Tòa chuyên trách về các vụ việc có giá trị nhỏ (Small Claims Court) hoặc có quy định về TTRG cho các vụ việc nhỏ ở cấp sơ thẩm

¹⁷ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2014, Điều 45

¹⁸ UNDP, Báo cáo khảo sát thực trạng Quản lý hành chính Tòa án nhân dân địa phương ở Việt Nam, 2014, trang 50

¹⁹ Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business), Số liệu (Data), Chỉ số Bảo đảm thực thi hợp đồng (Enforcing Contracts), *Introducing small claims courts or simplified procedures for small claims*. Truy cập đường link <http://www.doingbusiness.org/en/data/exploretopics/enforcing-contracts/good-practices#Introducing>

án và tính toán một cách hiệu quả đối với chi phí trong giải quyết tranh chấp. Ngoài ra, cơ chế này có xu hướng giảm bớt lượng đơn khởi kiện tồn đọng và khối lượng công việc của các Tòa án thuộc cấp cao hơn. Các Tòa án xử lý vụ việc có giá trị nhỏ thường có những phiên tòa không chính thức, thủ tục xác minh chứng cứ/đối chất chứng cứ đơn giản và thường cho phép các bên tự đại diện trước tòa (xem thêm tại Phụ lục 3).

Hiện nay, Luật Tổ chức tòa án nhân dân 2014 và BLTTDS 2015 không quy định về mô hình tổ tụng hay Tòa chuyên trách giải quyết các vụ việc dân sự, kinh doanh thương mại có giá trị nhỏ. Tuy nhiên, BLTTDS 2015 có quy định về TTRG, được áp dụng cho các vụ án dân sự, kinh doanh thương mại khi có đủ các điều kiện sau²⁰:

- Vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ; tài liệu, chứng cứ đầy đủ, bảo đảm đủ căn cứ để giải quyết vụ việc và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ;
- Các đương sự đều có địa chỉ nơi cư trú, trụ sở rõ ràng;
- Không có đương sự cư trú ở nước ngoài, tài sản tranh chấp ở nước ngoài, trừ trường hợp đương sự ở nước ngoài và đương sự ở Việt Nam có thỏa thuận đề nghị Tòa án giải quyết theo TTRG hoặc các đương sự đã xuất trình được chứng cứ về quyền sở hữu hợp pháp tài sản và có thỏa thuận thống nhất về việc xử lý tài sản.

Các điều kiện áp dụng TTRG của BLTTDS 2015 không có yêu cầu, điều kiện về giá trị của vụ án để áp dụng. Dù quy định về TTRG trong BLTTDS 2015 đã có hiệu lực trong hơn 02 (hai) năm nhưng vẫn chưa được áp dụng rộng rãi trên thực tế vì nhiều lý do khác nhau, như khái niệm về “tình tiết đơn giản”, “đương sự thừa nhận nghĩa vụ” chưa được quy định rõ ràng nên dẫn đến thực trạng không thống nhất trong cách hiểu quy định pháp luật về việc áp dụng TTRG²¹. Ngoài ra, việc áp dụng TTRG chưa phải là bắt buộc áp dụng nên Tòa án lựa chọn việc áp dụng giải quyết theo trình tự, thủ tục tổ tụng thông thường để tránh việc giải quyết tranh chấp có thể bị kháng cáo, kháng nghị²².

Trước BLTTDS 2015, một số yếu tố về TTRG đã được quy định tại Luật Bảo vệ người tiêu dùng 2010. Vụ việc dân sự về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được áp dụng thủ tục đơn giản quy định trong pháp luật về tổ tụng dân sự khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Cá nhân là người tiêu dùng khởi kiện; tổ chức, cá nhân trực tiếp cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng bị khởi kiện;
- Vụ án đơn giản, chứng cứ rõ ràng;
- Giá trị giao dịch dưới 100 triệu đồng²³.

²⁰ BLTTDS 2015, Điều 317, khoản 1

²¹ Phạm Thị Hồng Đào, *Thủ tục rút gọn theo quy định Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015*, truy cập đường link <http://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/ngghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1986>

²² Mai Thoa, *Đề xuất cơ chế, mô hình giải quyết vụ, việc dân sự theo thủ tục rút gọn*, truy cập đường link <https://congly.vn/hoat-dong-toa-an/tieu-diem/de-xuat-co-che-mo-hinh-giai-quyet-vu-viec-dan-su-theo-thu-tuc-rut-gon-105338.html>

²³ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010, Điều 41, Khoản 2

Quy định nêu trên cũng đã xác định “giá trị giao dịch dưới 100 triệu đồng” được áp dụng thủ tục đơn giản quy định trong Luật Bảo vệ người tiêu dùng 2010. Tuy nhiên, tương tự như TTRG của BLTTDS 2015, thủ tục đơn giản của Luật Bảo vệ người tiêu dùng 2010 đã có hiệu lực được hơn 07 (bảy) năm nhưng cũng hiếm khi được áp dụng.

a.3. Phân công án ngẫu nhiên:

Ngân hàng Thế giới có đánh giá, cho điểm những hệ thống Tòa án có cơ chế phân công án ngẫu nhiên cho Thẩm phán (xem chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)²⁴. Đối với Việt Nam, khảo sát của Ngân hàng Thế giới đã ghi nhận hệ thống Tòa án Việt Nam có phân công án ngẫu nhiên nhưng không tự động mà vẫn còn phụ thuộc vào tính quyết định của lãnh đạo Tòa án. Thực tiễn này đã làm cho Việt Nam không dành được điểm tối đa của Ngân hàng Thế giới, nhưng nói cách khác là phương thức này còn có những bất khoản từ phía cộng đồng doanh nghiệp trong nhiều năm (xem chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo).

b. Quản lý vụ án

Quản lý vụ án (Case management) là một vấn đề được coi là một nhiệm vụ quan trọng của hoạt động Tòa án. Ngân hàng Thế giới tính điểm cho các hoạt động quản lý vụ án nhiều như các hoạt động nêu tại phần (a) ở trên (xem chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)²⁵. BLTTDS 2015 được ghi nhận là có những quy định rõ ràng tiêu chuẩn thời hạn tố tụng. Tuy nhiên Việt Nam vẫn còn nhiều vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý Tòa án, như các nguyên tắc về cơ chế tạm dừng/hoãn tiến trình tố tụng, công khai thông tin liên quan đến hoạt động tố tụng, công khai chứng cứ vụ án...

b.1. Cơ chế tạm dừng/hoãn tiến trình tố tụng

Kể từ năm 2017, bên cạnh việc khảo sát và đánh giá chất lượng của công tác quản lý vụ án thông qua quy định về tiêu chuẩn thời hạn tố tụng, Ngân hàng Thế giới khảo sát và đánh giá cơ chế tạm dừng/hoãn tiến trình tố tụng thông qua sự nhận biết của doanh nghiệp về quy định của BLTTDS và thực tiễn tố tụng. Ngay khi BLTTDS 2015 có hiệu lực vào năm 2016, cộng đồng doanh nghiệp nhận biết được ngay quy định mới của BLTTDS 2015 về việc hoãn phiên tòa hoặc thủ tục tố tụng khác (xem chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo). Nhưng ngay sau đó vào năm 2018, nhiều doanh nghiệp đã không biết rằng BLTTDS 2015 có quy định về cơ chế tạm dừng/hoãn tiến trình tố tụng rõ ràng. Vấn đề này có thể phản ánh thực trạng các quy định về hoãn phiên tòa không được áp dụng nghiêm ngặt.

b.2 Công khai thông tin liên quan đến hoạt động tố tụng

²⁴ Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business) 2018, trang 108.

²⁵ Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business) 2018, trang 108.

Hoạt động kinh doanh thương mại phát triển luôn đi cùng với nhu cầu được cung cấp thông tin về khung pháp luật bảo vệ hoạt động kinh doanh thương mại, có bao gồm các quy định về quá trình xử lý tranh chấp tại TAND. Đặc biệt, thời gian giải quyết vụ việc là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng tới nhận thức của doanh nghiệp về công lý và chất lượng hoạt động của TAND. Theo Báo cáo Môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới, thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng ở Việt Nam kể từ khi thụ lý vụ việc cho đến khi thi hành xong bản án mất khoảng 400 ngày²⁶, thấp hơn mức trung bình của khu vực Đông Á – Thái Bình Dương (565,7 ngày) và một số nước trong khu vực Đông Nam Á như Philippines (962 ngày), Lào (443 ngày), Malaysia (425 ngày),... Việc công khai hoạt động của TAND sẽ đem đến cho doanh nghiệp nhận thức về quy trình xử lý vụ việc và các quy định pháp luật liên quan một cách minh bạch, đem lại niềm tin của doanh nghiệp đối với hoạt động của TAND.

Để so sánh mức độ công khai thông tin liên quan đến hoạt động xét xử, Ngân hàng Thế giới khảo sát về quy định và thực tiễn ở các quốc gia về việc công khai các thông tin:

- (i) Báo cáo về phân bổ thời gian xét xử (đánh giá về việc định lượng/phân bổ thời gian xét xử cho mỗi vụ việc);
- (ii) Báo cáo về tỷ lệ giải quyết vụ việc (đo lường theo tỷ lệ số vụ việc được giải quyết xong/số vụ việc sắp tới);
- (iii) Báo cáo về các vụ việc tồn đọng (cung cấp thông tin một cách tổng quát về loại vụ việc, thời gian xử lý vụ việc, phiên xét xử gần nhất và hoạt động xét xử sắp tới được lên kế hoạch); và
- (iv) Báo cáo về tiến trình về một vụ việc đơn lẻ (cung cấp thông tin một cách tổng quát về một vụ việc cụ thể) (xem Phụ lục 1).

Thực tế, Việt Nam đã công khai một số thông tin về hoạt động của Tòa án trên cổng thông tin điện tử của TANDTC. Tuy nhiên các thông tin được đăng tải còn thiếu những thông tin như Ngân hàng Thế giới khảo sát. Một số cổng thông tin điện tử của Tòa án địa phương cũng đăng tải nhiều thông tin của hoạt động Tòa án nhưng cũng thiếu những thông tin được khảo sát. Những thông tin mà Ngân hàng Thế giới muốn khảo sát thì TANDTC và TAND địa phương chỉ có số liệu thực tiễn thông qua các báo cáo hoạt động hàng năm mà chưa được công khai trực tuyến.

Hoạt động công khai thông tin được áp dụng phổ biến thông qua các bảng tin tại trụ sở TAND. Thông thường, bảng tin sẽ được đặt ở ngay sân trước hoặc sảnh của trụ sở TAND. Bảng tin cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động của TAND như lịch xử án, lịch công tác của cán bộ TAND... Tuy nhiên, hình thức công khai này vẫn chưa thực sự phát huy được tối đa tính hiệu quả trong giai đoạn hiện nay vì nhiều nguyên nhân, như:

²⁶ Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Môi trường Kinh doanh (Doing Business), Dữ liệu (Data), Chỉ số Bảo đảm thực thi hợp đồng (Enforcing Contract), truy cập đường link: <http://www.doingbusiness.org/data/exploretopics/enforcing-contracts>

Thứ nhất, thông tin được công khai trên bảng tin chưa thực sự hướng dẫn được người dân, doanh nghiệp về quy trình tố tụng, khả năng soạn thảo đơn, chuẩn bị chứng cứ, tham gia vào hoạt động tố tụng, thời hạn tố tụng... Nhiều bảng tin này vẫn đăng tải những thông tin mang tính nội bộ của Tòa án như thông tin học bổng, bổ nhiệm, hoạt động đoàn thể....

Thứ hai, cách thức trình bày thông tin trên các bảng tin còn chưa được chú trọng, trình bày chưa thực sự khoa học và dễ hiểu. Nhiều thông tin hướng dẫn về thủ tục là trích dẫn nguyên văn điều luật. Nhiều văn bản thông tin thiếu cập nhật, giấy ó cũ... dẫn đến người tham khảo không tin tưởng vào tính cập nhật của thông tin²⁷.

b.3. Hiện diện của các phiên họp trước xét xử được sử dụng như một phương pháp quản lý xét xử

BLTTDS 2015 có những quy định khá cụ thể đối với các phiên họp trước phiên xét xử như bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tương tự với kết quả khảo sát về Hoàn thủ tục tố tụng/phiên tòa, người dân, doanh nghiệp đã không cho bất kỳ điểm nào, hay nói cách khác là chưa thừa nhận sự tồn tại những ưu điểm của BLTTDS 2015 này (xem Phụ lục 2).

b.4. Hiện diện của công cụ quản lý xét xử điện tử cho Thẩm phán và cho luật sư

Nhiều Tòa án địa phương chưa áp dụng các công cụ quản lý xét xử bằng phương thức điện tử cho Thẩm phán cũng như cho luật sư, đương sự mặc dù TANDTC đã có nghị quyết của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử²⁸. Thực tiễn này dẫn đến người dân, doanh nghiệp (bao gồm luật sư) chưa thể nắm bắt được tiến trình giải quyết vụ án của Tòa án. Hiện tại, TAND Tp. Hồ Chí Minh đã có bảng thông tin điện tử tại trụ sở Tòa án để người dân, doanh nghiệp, luật sư có thể nắm bắt được thông tin vụ án nhưng cũng chưa triển khai cung cấp thông tin trực tuyến. Theo một nghiên cứu của TANDTC, việc áp dụng phương thức điện tử trong hoạt động thủ tục hành chính tiền tố tụng và sau tố tụng đã giúp cho người dân, doanh nghiệp và Tòa án tiết kiệm được chi phí trong quá trình hoạt động, cũng như rút gọn được thời gian giải quyết vụ án tại Tòa án²⁹.

Ứng dụng công nghệ thông tin tại các Tòa án chủ yếu chỉ được sử dụng để soạn thảo tài liệu, lưu trữ hồ sơ, tra cứu thông tin và gửi thư điện tử. Tuy

²⁷ Khảo sát về việc thực thi Nghị quyết 19 của Chính phủ, 2017 – 2018.

²⁸ Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Luật tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử, ngày 30/12/2016.

²⁹ Dự án JUDGE, Báo cáo Cải cách hành chính tư pháp – kinh nghiệm từ ba Tòa thí điểm của Dự án Hỗ trợ Tư pháp từ cơ sở, 2012.

nhiên, một số Tòa án đã áp dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý vụ án, bao gồm phân công án, quản lý công việc, thời hạn tố tụng... Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nội bộ như trên đã giúp cho TAND cập nhật kịp thời các vụ việc giải quyết, giúp cho lãnh đạo ngành theo dõi để kịp thời đôn đốc, tránh được tình trạng để vụ việc giải quyết quá thời hạn luật định. Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của TAND đã dần dần nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Tòa án theo hướng tinh gọn, hiện đại và hiệu quả; nâng cao trách nhiệm chấp hành pháp luật, tăng cường tính minh bạch, công khai trong công tác giải quyết án của Tòa án, bảo đảm quyền giám sát, kiểm tra và tiếp cận công lý của người dân, góp phần tích cực vào việc thực hiện tốt công cuộc cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”. Tuy nhiên, rất ít các Tòa án sử dụng công nghệ thông tin để tương tác, làm việc với người dân, doanh nghiệp như tại nhiều cơ quan hành chính nhà nước hiện nay.

c. Tự động hoá Tòa án/Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin đối với các thủ tục tại Tòa án

Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin đối với các hoạt động giải quyết tranh chấp của Tòa án được Ngân hàng Thế giới đánh giá cao thông qua Chỉ số tự động hoá Tòa án (Court automation) và được đem so sánh giữa các nền kinh tế trong các báo cáo Môi trường kinh doanh thường niên. Chỉ số này là một cấu phần quan trọng trong bộ tiêu chí đánh giá về Chất lượng của Hệ thống tư pháp. Trong 6 năm gần đây, Báo cáo Môi trường Kinh doanh đã ghi nhận 18 cải cách tập trung vào việc xây dựng hệ thống nộp đơn điện tử cho các vụ việc thương mại và cho phép đương sự, luật sư nộp đơn khởi kiện lần đầu thông qua phương thức trực tuyến. Hiện nay, có 31 nền kinh tế chấp nhận đơn khởi kiện lần đầu được nộp theo phương thức trực tuyến. Tương tự, có 30 nền kinh tế đang triển khai việc điện tử hóa quá trình xét xử, ví dụ như triệu tập lần đầu thông qua e-mail, fax hoặc tin nhắn văn bản. Nộp án phí điện tử là một tính năng phổ biến khác được áp dụng rộng rãi tại 55 nền kinh tế. Tiêu biểu cho việc áp dụng thành công mô hình Tòa án điện tử thuộc khu vực Đông Nam Á - châu Á mà báo cáo sẽ phân tích ở đây là mô hình Tòa án điện tử của Malaysia, Singapore và Hàn Quốc (xem chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo).

Các nền kinh tế trong nhóm thu nhập cao của OECD và Châu Âu và Trung Á có xu hướng điện tử hóa Tòa án/thủ tục tố tụng và quản lý các vụ việc tốt hơn so với các khu vực khác. Các quốc gia trong 02 nhóm khu vực này đang chiếm 21 trên tổng số 31 nền kinh tế trên toàn thế giới có triển khai hoạt động nộp đơn điện tử; và 20 trên tổng số 36 nền kinh tế đang cung cấp hệ thống quản lý hồ sơ điện tử cho cả thẩm phán và luật sư. Ngoài các khu vực kể trên, hoạt động điện tử hóa hành chính tư pháp vẫn còn bị hạn chế: có tổng cộng 76 nền kinh tế đạt 0 điểm về chỉ số điện tử hóa Tòa án trên toàn thế giới, và 71 quốc gia trong số đó nằm ngoài nhóm quốc gia châu Âu và Trung Á. (Xem thêm tại Phụ lục 3)

Theo khảo sát và đánh giá của Ngân hàng Thế giới cho đến hết năm 2017, hệ thống Tòa án ở Việt Nam không được doanh nghiệp ghi nhận bất kỳ một yếu tố nào về Tự động hoá Tòa án (xem chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo). Mặc dù ở Việt Nam, các hoạt động tiếp nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử đã được ghi nhận tại BLTTDS 2015 và Luật Tố tụng hành chính 2015. Hội đồng Thẩm phán TANDTC đã ban hành Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP hướng dẫn về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử như đã nêu ở trên. Nghị quyết đã có hiệu lực được 2 năm nhưng việc triển khai thực hiện Nghị quyết này trên toàn quốc chưa được triệt để.

Theo khảo sát sơ bộ tại các website của ngành Tòa án từ cấp tối cao đến cấp huyện thì chưa có các chức năng tiếp nhận đơn khởi kiện trực tuyến. Phần lớn những hướng dẫn về mẫu đơn, cách thức làm đơn khởi kiện hay thủ tục nộp đơn khởi kiện chưa được hướng dẫn kỹ càng tại nhiều website của các Tòa án. Do đó, đương sự vẫn gặp những khó khăn để tìm hiểu về thủ tục nộp đơn (như đã nêu ở phần trên), thủ tục tố tụng, quyền và lợi ích hợp pháp, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng bên tranh chấp, trình độ của các hòa giải viên, quản tài viên... hoạt động trên địa bàn. Một số biểu mẫu được đăng tải thì chủ yếu biểu mẫu dành cho các cán bộ tư pháp (mẫu quyết định/bản án,

mẫu quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời...) mà chưa có các mẫu văn bản cần dùng cho người dân (mẫu đơn khởi kiện, mẫu đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời...). Thậm chí, một số cổng thông tin điện tử không tiến hành cập nhật dữ liệu trong thời gian dài nên đã ảnh hưởng đáng kể đến mức độ tiếp cận thông tin của người dân, doanh nghiệp.

Nhu cầu được liên lạc bằng phương thức điện tử với ngành Tòa án là một nhu cầu hiện hữu của người dân, doanh nghiệp. Giao tiếp bằng phương thức điện tử trong giai đoạn hiện nay được coi phương tiện mới giúp cho Tòa án được “*gần dân, giúp dân*...”. Như đã nêu ở trên, việc áp dụng phương thức điện tử trong hoạt động thủ tục hành chính tại Tòa án giúp cho người dân, doanh nghiệp và Tòa án tiết kiệm được chi phí trong quá trình hoạt động và rút ngắn thời gian giải quyết vụ án tại Tòa án³⁰.

Điều đáng tiếc là hoạt động công khai bản án tại Việt Nam đã được TANDTC thực hiện kể từ đầu năm 2017 nhưng lại chưa được các doanh nghiệp phản ánh trong báo cáo năm 2018 của Ngân hàng Thế giới³¹. Chánh án TANDTC đã ra Chỉ thị số 04/2016/CT-CA về việc tăng cường công tác phát triển và công bố án lệ; áp dụng án lệ trong xét xử, Hội đồng Thẩm phán TANDTC đã ban hành Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP quy định nguyên tắc, thủ tục, trách nhiệm của các TAND trong việc công bố các bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của TAND. Triển khai các văn bản trên, TANDTC cũng đã lần lượt xây dựng và cho ra mắt Trang thông tin điện tử công bố án lệ vào tháng 10/2016³² (<https://anle.toaan.gov.vn>) và Trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của Tòa án vào tháng 07/2017³³ (<http://congbobanan.toaan.gov.vn>).

Hy vọng rằng trong thời gian tới, cải cách này của hệ thống Tòa án Việt Nam được ghi nhận trong Báo cáo Môi trường Kinh doanh năm tới.

d. Tòa án hỗ trợ việc áp dụng các phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn

³⁰ Dự án JUDGE, Báo cáo Cải cách hành chính tư pháp – kinh nghiệm từ ba Tòa thí điểm của Dự án Hỗ trợ Tư pháp từ cơ sở, 2012

³¹ Báo cáo Môi trường kinh doanh 2018 của Ngân hàng Thế giới là kết quả của hoạt động khảo sát của Báo cáo Môi trường Kinh doanh được kết thúc vào ngày 31/05 và được công bố vào tháng 10 của năm 2017. Do đó, những cải cách mới của hệ thống pháp luật không được truyền thông kịp thời sẽ không được người dân cập nhật kịp thời.

³² Dân Trí (2017), *Ra mắt trang tin điện tử về án lệ của TAND tối cao*, truy cập đường link <https://dantri.com.vn/phap-luat/ra-mat-trang-tin-dien-tu-ve-an-le-cua-tand-toi-cao-20161019161733387.htm>

³³ Tòa án Nhân dân Tối cao (2017), *Tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của Tòa án*, truy cập đường link http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/299083?p_page_id=1753011&pers_id=1751940&folder_id=&item_id=208401320&p_details=1

Vai trò Tòa án trong việc hỗ trợ các hoạt động giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án (trọng tài, hoà giải) cho các vụ án kinh doanh thương mại được các doanh nghiệp quan tâm.

d.1. Trọng tài thương mại

Tại Việt Nam, hoạt động trọng tài thương mại trong thời gian gần đây phát triển mạnh mẽ hơn kể từ khi Luật Trọng tài thương mại 2010 được ban hành. Hội đồng thẩm phán TANDTC ban hành Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Trọng tài thương mại. Nghị quyết đã góp phần đảm bảo tính đúng đắn của các quyết định của Tòa án đối với hoạt động trọng tài, góp phần ổn định và lành mạnh hóa môi trường đầu tư - kinh doanh tại Việt Nam, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư quốc tế, cho các giao dịch thương mại quốc tế trên lãnh thổ Việt Nam³⁴.

Cho đến hiện nay, cả nước đã có 20 trung tâm trọng tài được thành lập tại một số thành phố lớn (Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Cần Thơ) với tổng số 476 trọng tài viên. Từ năm 2011 đến tháng 06/2015, các Trung tâm trọng tài đã thụ lý 879 vụ việc và ban hành 586 phán quyết trọng tài, trong đó mới chỉ có 180 phán quyết đã được thi hành xong với số tiền là 3.612.000 USD và 300 tỉ đồng. VIAC có số lượng trọng tài viên đông đảo nhất (144) với 151 vụ tranh chấp với tổng trị giá lên đến 1.400 tỷ đồng. Tính đến nay đã có 36/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có doanh nghiệp có tranh chấp tại VIAC.

Theo thống kê của Trung tâm trọng tài Thương mại quốc tế Việt Nam (VIAC), thời gian trung bình giải quyết một vụ tranh chấp là 153 ngày, đặc biệt có nhiều vụ được giải quyết chỉ trong thời hạn trong khoảng từ 15 đến 30 ngày theo thỏa thuận của các bên tranh chấp³⁵. Như vậy, thời gian giải quyết tranh chấp tại trọng tài nhanh hơn so với thời gian giải quyết tranh chấp tại Tòa án (250 ngày theo Báo cáo Môi trường kinh doanh)³⁶. Tòa án đóng vai trò đáng kể để hoạt động trọng tài được phát triển. Báo cáo Môi trường kinh doanh ghi nhận ý kiến của các doanh nghiệp về xác định Tòa án Việt Nam có công nhận “điều khoản trọng tài” (xem Phụ lục 2).

d.2. Hoà giải

Hoà giải là một phương thức giải quyết tranh chấp phổ biến ở Việt Nam và trên thế giới. Theo Báo cáo Môi trường kinh doanh, hầu hết các nền kinh tế được khảo sát (185 nền kinh tế) đều công nhận trọng tài thương mại là một

³⁴ Báo Đầu tư Chứng khoán điện tử (Đức Hoà), *Sử dụng trọng tài: Lưu ý điểm nhỏ để tránh thiệt hại lớn*, truy cập đường link <https://tinnhanhchungkhoan.vn/phap-luat/su-dung-trong-tai-luu-y-diem-nho-de-tranh-thiet-hai-lon-241219.html>

³⁵ Báo Diễn đàn doanh nghiệp điện tử (Bá Tú), *Trọng tài chia sẻ gánh nặng với toà*, truy cập đường link <http://enternews.vn/trong-tai-chia-se-ganh-nang-voi-toa-an-97917.html>

³⁶ Theo Báo cáo Môi trường kinh doanh, tổng thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng tại Việt Nam là 400 ngày, trong đó 250 ngày dành cho hoạt động xét xử và 150 ngày dành cho hoạt động thi hành án.

cơ chế giải quyết tranh chấp. 173/185 nền kinh tế công nhận hòa giải là phương thức giải quyết tranh chấp thay thế ngoài Tòa án (xem chi tiết tại Phụ lục 3). Hoà giải được thực hiện dưới nhiều phương thức, nhưng chủ yếu bao gồm: các bên tự thương lượng, các bên thực hiện hoà giải thông qua một bên hoà giải chuyên nghiệp; hoặc hoà giải do Tòa án thực hiện là một thủ tục bắt buộc của giải quyết tranh chấp³⁷.

Ở Việt Nam, hoạt động hoà giải thương mại ngoài Tòa án được công nhận khi Nghị định 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ về hoà giải thương mại được ban hành trong năm 2017. Vấn đề này đã được ghi nhận trong Báo cáo Môi trường kinh doanh 2018.

Hoà giải được coi là một hoạt động hỗ trợ cho hoạt động giải quyết tranh chấp bằng tổ tụng Tòa án hoặc trọng tài. Hoà giải không chỉ đơn thuần giúp giảm tải khối lượng giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc trọng tài mà còn giúp cho các bên tranh chấp đánh giá được ưu điểm và nhược điểm khi giải quyết tranh chấp bằng tổ tụng. Việc này giúp cho việc định hướng thái độ của các bên khi giải quyết tranh chấp tại Tòa án. Kể từ tháng 3/2018, TANDTC đã mạnh dạn thí điểm mô hình hòa giải tranh chấp dân sự, đối thoại khiếu kiện hành chính tại Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Hoạt động thí điểm này bắt đầu từ tháng 3/2018 và vẫn đang được tiếp tục thí điểm tại 16 tỉnh/thành phố³⁸. Hy vọng rằng, nỗ lực giải quyết tranh chấp bằng hoà giải của Tòa án sẽ được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận.

IV. KHUYẾN NGHỊ

Như đã phân tích, chất lượng hoạt động của Tòa án có mối quan hệ mật thiết với sự phát triển kinh tế. Để tiếp tục nâng cao chất lượng của hoạt động tư pháp nhằm mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh, ngành Tòa án cần tiếp tục chú ý cải thiện những vấn đề sau:

a. Đẩy mạnh tính chuyên trách trong giải quyết các vụ việc thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại

- Tòa án các cấp cần có những thẩm phán được tập trung đào tạo, có chuyên môn sâu về các án kinh doanh thương mại, bao gồm các lĩnh vực như tổ chức hoạt động doanh nghiệp, tài chính-tín dụng, hỗ trợ cho hoạt động giải quyết tranh chấp lựa chọn (trọng tài, hoà giải). Một số Tòa án tại Hà Nội, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh cần tập trung thêm một số lĩnh vực như hàng không, hàng hải...

³⁷ Điều 10 BLTTDS 2015. Xem thêm John MCMILLAN and Christopher WOODRUFF, Dispute Prevention without Courts in Vietnam, The Journal of Law, Economics and Organization – Oxford Journals, 11/2/1999

³⁸ Kế hoạch số 301/KH-TANDTC ngày 01/10/2018 về việc tiếp tục và mở rộng thí điểm về đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính tại Hải Phòng và các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam, Khánh Hòa, Đồng Nai, Bình Dương và Long An.

- TANDTC cần xây dựng các tiêu chí rõ ràng để TAND các cấp thực hiện khi áp dụng thủ tục rút gọn, đặc biệt là thủ tục cho những vụ việc có giá trị nhỏ.
- TANDTC cần đẩy mạnh việc phân công án theo phương thức ngẫu nhiên và công khai việc phân công án để giúp cho hoạt động của Tòa án trở nên minh bạch hơn, có trách nhiệm giải trình với người dân, doanh nghiệp.

b. Cải thiện hoạt động của hệ thống hành chính tư pháp

Các thủ tục để người dân giao dịch với Tòa án và cơ quan thi hành án, kể từ khi nộp đơn, giải quyết vụ việc, ra bản án và thi hành án, cần được thực hiện nhanh chóng, thuận tiện cho các bên và đúng các quy định của pháp luật. Các vấn đề sau cần chú trọng:

- *Hoàn thiện mô hình và quy trình nhận đơn khởi kiện:* TANDTC cần triển khai đồng bộ và thống nhất trên toàn quốc “*mô hình hành chính tư pháp một cửa*” để đơn giản hoá các thủ tục, giảm bớt chi phí tuân thủ cho người dân khi tiếp cận với hoạt động của Tòa án và hạn chế những tác động vào tính độc lập của Thẩm phán.
- *Từng bước áp dụng phương thức điện tử cho các thủ tục tại Tòa án và xây dựng mô hình Tòa án điện tử:* TANDTC cần đẩy mạnh áp dụng phương thức điện tử trong hoạt động tố tụng như đã quy định tại BLTTDS 2015 và Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Giao dịch điện tử giữa Tòa án với người dân, doanh nghiệp cũng sẽ tăng cường tính công khai, minh bạch của hoạt động Tòa án, thúc đẩy Tòa án “gần dân” hơn và công bằng hơn.
- *Tăng cường chất lượng quản lý vụ việc, đặc biệt quản lý thời hạn tố tụng:* Ngành Tòa án cần có các biện pháp mạnh mẽ trong việc tăng cường quản lý thời hạn của từng bước, từng giai đoạn tố tụng của mỗi vụ việc, bao gồm: nâng mức chế tài đối với thẩm phán để án quá hạn, công khai thông tin về các hoạt động giải quyết vụ việc của Tòa án và các bên tham gia tố tụng, phân công án phù hợp với năng lực và kinh nghiệm giải quyết vụ việc của thẩm phán... Việc công khai các hoạt động giải quyết vụ việc của Tòa án sẽ giúp cho việc quản lý các thời hạn tố tụng được tốt hơn và nâng cao tính minh bạch của hoạt động Tòa án mà không ảnh hưởng tới tính bí mật cá nhân, bí mật kinh doanh của các bên đương sự. TANDTC cần thúc đẩy các biện pháp giảm tình trạng hoãn phiên toà để có thể quản lý được tốt thời gian tố tụng.

c. Cải thiện việc công khai thông tin về các bản án và quy trình quản lý tố tụng

- TAND các cấp cần tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của các phương thức công khai thông tin theo phương thức truyền thống và trực tuyến để người dân, doanh nghiệp có thể hiểu biết rõ hơn quy trình tố tụng và những cải cách, thay đổi của ngành Tòa án liên quan đến hoạt động tố tụng, như thông tin về lịch biểu giải quyết vụ án/xét xử, tỷ lệ giải quyết vụ án, tỷ lệ về án tồn đọng, công khai các bản án...

d. Cải thiện hoạt động giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án

- Tòa án có vai trò to lớn đối với việc thúc đẩy sự phát triển của các phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn (trọng tài và hoà giải), như: (i) tạo điều kiện cho việc công nhận và cho thi hành các phán quyết của trọng tài trong nước và nước ngoài; (ii) công nhận quyết định hoà giải thành của các bên ngoài Tòa án; (iii) mở rộng thời hiệu tố tụng khi các bên giải quyết tranh chấp bằng hoà giải./.

PHỤ LỤC 1: PHƯƠNG PHÁP LUẬN ĐO LƯỜNG CHỈ SỐ THỰC THI HỢP ĐỒNG CỦA BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2018

Để tính toán, đo lường và xếp hạng chỉ số đảm bảo thực thi hợp đồng của các nền kinh tế, Doing Business tiến hành nghiên cứu dựa trên 02 nhóm chỉ số lớn bao gồm: (i) Những chỉ số được sử dụng để đánh giá hiệu suất của hệ thống tư pháp trong việc giải quyết tranh chấp thương mại, (ii) Những chỉ số được sử dụng để đánh giá chất lượng của Tòa án việc giải quyết tranh chấp thương mại.

I. Những chỉ số được sử dụng để đánh giá hiệu suất của hệ thống tư pháp trong việc giải quyết tranh chấp thương mại

1. Các cấu phần của việc đánh giá hiệu suất của hệ thống tư pháp trong việc giải quyết tranh chấp thương mại

Để đánh giá hiệu suất của các nền kinh tế trong giải quyết tranh chấp thương mại, 02 tiêu chí lớn để đánh giá là về thời gian và chi phí để giải quyết một vụ việc giả định. Dữ liệu về thời gian và chi phí được xây dựng bằng cách thu thập trên cơ sở từng bước tiến trình của tranh chấp thương mại. Dữ liệu được thu thập được cụ thể theo trường hợp giả định: Tòa án có thẩm quyền đối với các tranh chấp trị giá 200% thu nhập bình quân đầu người hoặc \$ 5,000 (lựa chọn tùy theo cách tính nào sẽ ra giá trị tranh chấp cao hơn). Trong trường hợp có nhiều Tòa án có thẩm quyền giải quyết đối với các tranh chấp có giá trị giả định như trên, thì lựa chọn Tòa án mà được Nguyên đơn gửi đơn đến trong phần lớn các tình huống.

Tiêu chí để đánh giá về thời gian	Tiêu chí để đánh giá về chi phí
Thời gian để nộp đơn và theo đuổi 01 vụ việc	Phí luật sư trung bình
Thời gian xét xử và đưa ra bản án	Án phí
Thời gian để thực hiện bản án	Phí thi hành án
Chi tiết về tiêu chí thời gian đánh giá hiệu suất hoạt động của Tòa án	Chi tiết về tiêu chí chi phí đánh giá hiệu suất hoạt động của Tòa án

Thời gian được ghi lại theo ngày dương lịch, được tính từ lúc Người bán quyết định nộp đơn kiện tại Tòa án cho đến khi thanh toán theo thi hành. Thời gian này sẽ bao gồm cả thời gian tham gia vào quy trình xét xử-thi hành án và thời gian chờ đợi. Thời gian chỉ được ghi nhận để giải quyết vụ việc giả định.	Chi phí được ghi nhận dưới dạng phần trăm của giá trị vụ việc, được giả định là tương đương với 200% thu nhập bình quân đầu người hoặc \$ 5,000 (lựa chọn tùy theo cách tính nào sẽ tạo ra giá trị tranh chấp cao hơn). 03 loại chi phí được ghi nhận bao gồm: phí luật sư trung bình, án phí và phí thi hành án. Phí luật sư trung bình là chi phí mà Người bán (Nguyên đơn) phải trả cho luật sư địa phương để đại diện cho Người bán trong trường hợp tranh chấp giả định nói trên. Chi phí Tòa án bao gồm tất cả chi phí mà Người bán (Nguyên đơn) phải tạm ứng cho Tòa án. Chi phí Tòa án bao gồm lệ phí mà các bên phải trả để có được ý kiến chuyên gia, hoặc bất kể khoản phí nào mà các đương sự phải trả cho Tòa án hoặc cho các chuyên gia/thẩm định viên. Chi phí thi hành án là tất cả các chi phí Người bán (Nguyên đơn) phải sử dụng cho việc thi hành phán quyết của tòa. Chi phí không tính toán và không bao gồm các khoản tiền hối lộ.
--	---

2. Chi tiết về tình huống giả định

Tiêu chí	Nội dung
Giá trị của vụ việc	200% thu nhập bình quân đầu người hoặc \$ 5,000 (lựa chọn tùy theo cách tính nào sẽ tạo ra giá trị tranh chấp cao hơn)
Các bên trong tranh chấp	Tranh chấp liên quan đến giao dịch hợp pháp giữa 02 thương nhân (Người bán và Người mua), cả hai đều có trụ sở/sinh sống ở trong thành phố kinh doanh lớn nhất của nền kinh tế.

Tiêu chí	Nội dung
Nội dung tranh chấp	▪ Căn cứ vào hợp đồng giữa các bên, Người bán bán một số đồ nội thất đặt làm cho Người mua trị giá 200% thu nhập bình quân đầu người hoặc \$ 5.000, (lựa chọn tùy theo cách tính nào sẽ tạo ra giá trị tranh chấp cao hơn). Sau khi Người bán giao hàng cho Người mua, Người mua từ chối thanh toán, cho rằng hàng hóa không đủ chất lượng. Bởi vì chúng được sản xuất theo đơn đặt hàng riêng biệt, Người bán không thể bán lại chúng cho bất kỳ ai khác. ▪ Người bán (Nguyên đơn) kiện Người mua (Bị đơn) để thu hồi số tiền theo hợp đồng mua bán. Tranh chấp được đưa ra trước Tòa án nằm trong thành phố kinh doanh lớn nhất của nền kinh tế với thẩm quyền giải quyết đối với các vụ thương mại trị giá trị giá 200% thu nhập bình quân đầu người hoặc \$ 5.000 (lựa chọn tùy theo cách tính nào sẽ tạo ra giá trị tranh chấp cao hơn). ▪ Tham gia vào tranh chấp còn có các chuyên gia thẩm định hàng hóa (vì lý do không thanh toán của Bị đơn là về chất lượng hàng hóa và Tòa án không chỉ đơn thuần dựa trên tài liệu mà các bên cung cấp để đưa ra phán quyết). Sự tham gia của các thẩm định viên có thể trên cơ sở các bên tự mời thẩm định viên hoặc Tòa án chỉ định thẩm định viên. Tình huống giả định không tính đến trường hợp đối chất giữa các thẩm định viên. ▪ Theo ý kiến của chuyên gia, thẩm phán quyết định rằng hàng hóa do Người bán giao có chất lượng đầy đủ và Người mua phải thanh toán giá hợp đồng. Các thẩm phán do đó đưa ra một phán quyết cuối cùng ủng hộ 100% cho Người bán. ▪ Người mua không kháng cáo phán quyết của Tòa án. Các bên tiến hành thực thi phán quyết của Tòa án theo luật định.

II. Những chỉ số được sử dụng để đánh giá chất lượng của Tòa án việc giải quyết tranh chấp thương mại

1. Chỉ số về cấu trúc Tòa án và quy trình tố tụng

STT	Tên cấu phần	Phương pháp đo lường
1.	Sự hiện diện của tòa thương mại chuyên trách, hoặc bộ phận chuyên trách để giải quyết tranh chấp thương mại	Đo lường theo thang điểm từ 0 – 1.5. Không có là 0 điểm, có là 1.5 điểm
2.	Sự hiện diện của Tòa án chuyên xử lý các vụ việc nhỏ và/hoặc thủ tục tố tụng rút gọn cho các vụ việc nhỏ	Đo lường theo thang điểm từ 0 – 1.5. Không có là 0 điểm. Chỉ chấm 1 điểm trong trường hợp có hiện diện của các Tòa án chuyên xử lý những vụ việc nhỏ trong toàn hệ thống luật dân sự, và pháp luật có quy định về việc lấy giá trị vụ việc làm tiêu chuẩn để xét xử tại các Tòa án này. Trường hợp chấm thêm 0,5 điểm là nếu những Tòa án này cho phép đương sự đại diện trước tòa
3.	Sự hiện diện của các biện pháp khẩn cấp tạm thời để hạn chế chuyển dịch tài sản	Đo lường theo thang điểm từ 0 – 1. Không có là 0 điểm, có là 1 điểm
4.	Các tiêu chí được sử dụng để phân công án cho thẩm phán	Đo lường theo thang điểm từ 0 – 1. Không có là 0 điểm. Chỉ chấm là 1 điểm khi có sự phân công án ngẫu nhiên và tự động. Chấm 0,5 điểm khi có sự phân công án ngẫu nhiên nhưng không tự động
5.	Định lượng lời khai của phụ nữ	Đo lường theo thang điểm từ -1 – 0. Nếu có quy định phân biệt, định lượng lời khai của phụ nữ so với lời khai của đàn ông (đặc biệt trong các vụ tranh chấp hôn nhân-gia đình) thì chấm -1. Nếu không chấm 0 điểm

2. Chỉ số quản lý xét xử

STT	Tên cấu phần	Phương pháp đo lường
1.	Quy định về thời gian tiêu chuẩn quản lý những khoảng thời gian trung gian giữa các phiên xét xử chủ chốt	Đo lường theo thang điểm từ 0-1. Các khoảng thời gian trung gian giữa những phiên xét xử chủ chốt bao gồm: (i) các giai đoạn thực hiện dịch vụ công trong quy trình xét xử (service of process), (ii) phiên xét xử lần 1; (iii)

		nộp bản phản biện ; (iv) hoàn thành giai đoạn nộp chứng cứ; (v) nộp bản thẩm định/ý kiến của chuyên gia; (vi) giai đoạn ra phán quyết của tòa Chấm 1 điểm nếu luật có quy định về các tiêu chuẩn thời gian này và nó được áp dụng trong hơn 50% các vụ việc. Chấm 0,5 điểm nếu luật có quy định về các tiêu chuẩn thời gian này nhưng nó không được áp dụng trong hơn 50% các vụ việc. Chấm điểm 0 nếu luật không có quy định về tiêu chuẩn thời gian hoặc tiêu chuẩn thời gian ít hơn 03 giai đoạn.
2.	Cơ chế về tạm dừng/hoãn quy trình tố tụng	Đo lường theo thang điểm từ 0 – 1. Chỉ số xác định theo 03 tiêu chuẩn: (i) liệu rằng có quy phạm pháp luật nào quy định về số lần tối đa được hoãn xét xử không, (ii) liệu rằng việc hoãn xét xử có bị hạn chế đối với các trường hợp không lường trước được hoặc trường hợp ngoại lệ, và (iii) liệu rằng những quy tắc này có được áp dụng đối với nhiều hơn 50% số lượng vụ việc hay không Chấm 1 điểm nếu đáp ứng được cả 03 tiêu chuẩn nói trên. Chấm 0,5 điểm nếu chỉ đáp ứng được 2/3 tiêu chuẩn. Chấm 0 điểm nếu chỉ đáp ứng được ít hơn 1 tiêu chuẩn
3.	Sự hiện diện của của các báo cáo đánh giá/đo lường hoạt động xét xử	Đo lường theo thang điểm từ 0 – 1. Chỉ số này dùng để đánh giá rằng liệu rằng Tòa án có cơ chế nào để kiểm soát và đánh giá hoạt động xét xử hay không. Các báo cáo sẽ bao gồm: (i) báo cáo về phân bổ thời gian xét xử (đánh giá về việc định lượng/phân bổ thời gian xét xử cho mỗi vụ việc); (ii) báo cáo về tỷ lệ giải quyết vụ việc (đo lường theo tỷ lệ số vụ việc được giải quyết xong/số vụ việc sắp tới); (iii) báo cáo về các vụ việc tồn đọng (cung cấp thông tin một cách tổng quát về loại vụ việc, thời gian xử lý vụ việc, phiên

		xét xử gần nhất và hoạt động xét xử sắp tới được lên kế hoạch); and (iv) báo cáo về tiến trình về một vụ việc đơn lẻ (cung cấp thông tin một cách tổng quát về một vụ việc cụ thể)
4.	Sự hiện diện của các phiên họp trước xét xử	Đo lường theo thang điểm từ 0 – 1 Việc đo lường sẽ tuân theo các nội dung được thảo luận tại phiên họp trước xét xử sau đây: (i) tiến trình xét xử (bao gồm khung thời gian cho các hoạt động nộp đơn và tài liệu cho Tòa án), (ii) tính phức tạp của vụ việc và lượng thời gian dành cho vụ việc, (iii) khả năng giải quyết vụ việc và việc áp dụng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế khác, (iv) trao đổi danh sách nhân chứng, (v) chứng cứ, (vi) các vấn đề về thẩm quyền và tố tụng, và (vii) giới hạn/khoanh vùng lại các vấn đề có khả năng gây tranh cãi Chấm 1 điểm nếu phiên họp trước xét xử thảo luận được ít nhất 3/7 các nội dung ở trên. Chấm 0 điểm nếu các nội dung được thảo luận ít hơn 3 vấn đề
5.	Sự hiện diện của hệ thống quản lý xét xử điện tử cho thẩm phán	Đo lường theo thang điểm từ 0 – 1. Đánh giá hệ thống quản lý xét xử điện tử cho phép thẩm phán sử dụng chúng với các mục đích bao gồm (i) sử dụng để tra cứu văn bản quy phạm pháp luật và án lệ, (ii) để tự động hóa lên lịch trình xét xử cho các vụ việc ghi nhận trong sổ ghi án, (iii) để gửi thông báo cho các luật sư, (iv) để theo dõi tình trạng của vụ việc ghi nhận trong sổ thụ lý, (v) để xem và quản lý các tài liệu của vụ việc (như bản tóm tắt, bản kiến nghị,...), (vi) để hỗ trợ/bổ sung cho phán quyết bằng văn bản, (vii) để xem các bản lệnh hầu tòa và phán quyết của tòa trong từng vụ việc cụ thể

		Chấm 1 điểm nếu hệ thống điện tử cho phép thẩm phán thực hiện 4/7 mục đích nói trên. Chấm 0 điểm nếu kết quả nhỏ hơn 4/7
6.	Sự hiện diện của hệ thống quản lý xét xử điện tử cho luật sư	Đo lường theo thang điểm từ 0 – 1. Đánh giá hệ thống quản lý xét xử điện tử cho phép luật sư sử dụng chúng với các mục đích bao gồm: (i) sử dụng để tra cứu văn bản quy phạm pháp luật và án lệ, (ii) sử dụng để tra cứu các mẫu đơn/văn bản nộp cho Tòa án, (iii) để tiếp nhận thông báo từ thẩm phán, (iv) để theo dõi tình trạng của vụ việc, (v) để xem và quản lý các tài liệu của vụ việc (như bản tóm tắt, bản kiến nghị,...), (vi) để soạn thảo các tài liệu nộp cho Tòa án, (vii) để xem các bản lệnh hầu tòa thông qua internet Chấm 1 điểm nếu hệ thống điện tử cho phép thẩm phán thực hiện 4/7 mục đích nói trên. Chấm 0 điểm nếu kết quả nhỏ hơn 4/7

3. Chỉ số tự động hóa Tòa án

STT	Tên cấu phần	Phương pháp đo lường
1.	Sự hiện diện của việc nộp đơn khởi kiện lần đầu thông qua hệ thống điện tử	Đo lường theo thang điểm từ 0 – 1. Nền tảng điện tử dùng để đo lường nội dung này được yêu cầu phải là một nền tảng riêng biệt (không phải là email hoặc fax) Chấm 1 điểm khi Nguyên đơn được sử dụng nền tảng này để nộp đơn khởi kiện và không phải nộp bản cứng kèm theo. Chấm 0 điểm nếu không có nền

		tăng đó trong hệ thống. Lưu ý nền tảng điện tử này phải được xác nhận là hoàn toàn hữu dụng
2.	Sự hiện diện của việc chuyển tiếp đơn khởi kiện nộp lần đầu thông qua hệ thống điện tử	Đo lường theo thang điểm từ 0 – 1. Đo lường thông qua việc xác định rằng nền tảng điện tử của hệ thống có hỗ trợ việc chuyển tiếp đơn khởi kiện tới bên Bị đơn thông qua email/fax hay tin nhắn SMS hay không Chấm 1 điểm nếu có, chấm 0 điểm nếu không có. Lưu ý nền tảng điện tử này phải được xác nhận là hoàn toàn hữu dụng
3.	Sự hiện diện của việc nộp án phí điện tử	Đo lường theo thang điểm từ 0 – 1. Nền tảng điện tử dùng để nộp án phí có thể là một hệ thống riêng biệt hoặc thông qua ngân hàng điện tử (internet banking) Chấm 1 điểm khi Nguyên đơn được sử dụng nền tảng này để nộp án phí và không phải nộp bản cứng kèm theo. Chấm 0 điểm nếu không có hỗ trợ nộp án phí điện tử.
4.	Công khai phán quyết của tòa	Đo lường theo thang điểm từ 0 – 1. Việc đo lường này nhằm xác định liệu rằng mọi phán quyết của tòa có công khai trên công báo, hoặc các phương tiện thông tin khác không Chấm 1 điểm nếu các phán quyết của vụ việc thương mại ở mọi cấp độ đều được công khai. Chấm 0,5 điểm nếu chỉ các phán quyết của cấp phúc thẩm và tòa cấp cao được công khai. Chấm 0 điểm nếu không có hoạt động công khai nói trên và phải có yêu cầu cá nhân mới được tiếp cận với bản án của tòa (yêu cầu phải cung cấp tên của các bên và số bản án)

4. Chỉ số về việc sử dụng phương pháp giải quyết tranh chấp thay thế

STT	Tên cấu phần	Phương pháp đo lường
1.	Trọng tài thương mại	Đo lường theo thang điểm từ 0 – 1,5 – Liệu trọng tài thương mại có được công nhận là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại trong một văn bản/chương/mục riêng biệt hay không? Nếu có, chấm 0,5 điểm, nếu không thì chấm 0 điểm – Liệu tranh chấp thương mại thuộc mọi lĩnh vực chính sách công, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, lao động, phá sản,... đều có thể giải quyết thông qua trọng tài thương mại hay không? Nếu có, chấm 0,5 điểm, nếu không thì chấm 0 điểm – Liệu điều khoản trọng tài thương mại được công nhận và áp dụng trong hơn 50% các vụ việc ở tòa địa phương không? Nếu có, chấm 0,5 điểm, nếu không thì chấm 0 điểm
2.	Hòa giải thương mại hoặc trung gian	Đo lường theo thang điểm từ 0 – 1,5 – Liệu rằng hòa giải hay trung gian có được công nhận là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại hay không? Nếu có, chấm 0,5 điểm, nếu không thì chấm 0 điểm – Liệu rằng phương thức giải quyết tranh chấp này có được quy định riêng biệt thành một văn bản pháp luật/một chương riêng biệt trong luật hay không. Nếu có chấm 0,5 điểm, nếu không thì chấm 0 điểm – Liệu rằng có tồn tại ưu đãi về mặt tài chính cho các đương sự nếu sử dụng phương thức giải quyết tranh chấp này không (ví dụ như nếu

		thành công thì hoàn trả lại một phần án phí hoặc một phần thuế thu nhập cá nhân). Nếu có, chấm 0,5 điểm, nếu không thì chấm 0 điểm
--	--	--

5. Chỉ số về chất lượng quy trình tư pháp

Là tổng số điểm được chấm theo các chỉ số từ 1 đến 4 nói trên.

PHỤ LỤC 2: CHI TIẾT THỰC TRẠNG ĐẢM BẢO THỰC THI HỢP ĐỒNG TẠI VIỆT NAM THEO BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG KINH DOANH QUẢ CÁC NĂM 2014 - 2018

BẢNG 1. Đánh giá và xếp hạng tổng quan của chỉ số bảo đảm thực thi hợp đồng tại Việt Nam qua các năm (2014-2018)

Các tiêu chí xác định chỉ số	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2014
Tiêu chí thời gian đánh giá hiệu suất hoạt động của tòa án (đơn vị: ngày)					
Thời gian để nộp đơn và giải quyết 01 vụ việc	50	50	50	50	50
Thời gian xét xử và đưa ra bản án	200	200	200	200	200
Thời gian để thực hiện bản án	150	150	150	150	150
Tổng thời gian	400	400	400	400	400
Tiêu chí chi phí đánh giá hiệu suất hoạt động của tòa án (đơn vị: %- phần trăm của giá trị vụ việc)					
Phí luật sư trung bình	21	21	21	21	21
Án phí	5	5	5	5	5
Phí thi hành án	3	3	3	3	3
Tổng chi phí	29.0	29.0	29.0	29.0	29.0

Các tiêu chí xác định chỉ số	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2014
Tiêu chí đánh giá chất lượng quy trình tư pháp (chỉ số thành phần được chấm theo thang điểm)					
Chỉ số thành phần về cấu trúc tòa án và quy trình tố tụng (-1-5)/(0-5)	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
Chỉ số thành phần về quản lý xét xử (0-6)	1.0	1.5	1.5	1.0	-
Chỉ số thành phần về tự động hóa hành chính tư pháp (0-4)	0.0	0.0	0.0	0.0	-
Chỉ số thành phần về việc sử dụng phương pháp giải quyết tranh chấp thay thế (0-3)	2.5	2.0	2.0	2.0	-
Tổng điểm	6.5	6.5	6.5	6.0	-

BẢNG 2. Chi tiết về đánh giá chất lượng quy trình tư pháp năm 2018

STT	Nội dung câu hỏi chỉ số thành phần	Câu trả lời	Đánh giá trên thang điểm mặc định
Chỉ số: Cấu trúc tòa án và quy trình tố tụng (-1-5)			3.0
1.	Có sự hiện diện của tòa thương mại chuyên trách, hoặc bộ phận chuyên trách để giải quyết tranh chấp thương mại hay không?	Có	1.5
2.	Giải quyết các vụ việc có giá trị nhỏ		0.0
	2a. Có sự hiện diện của tòa án chuyên xử lý các vụ việc có giá trị nhỏ và/hoặc thủ tục tố tụng rút gọn cho các vụ việc có giá trị nhỏ hay không?	Không	
	2b. Trong trường hợp có sự hiện diện của tòa án chuyên xử lý các vụ việc có giá trị nhỏ và/hoặc thủ tục tố tụng rút gọn cho các vụ việc có giá trị nhỏ, thì việc đương sự tự đại diện tố tụng trước tòa có được cho phép không?	Không có thông tin	
3.	Có sự hiện diện của các phiên họp tiền tố tụng (pretrial attachment) hay không?	Có	1.0
4.	Việc phân công án cho thẩm phán có được thực hiện ngẫu nhiên, không sắp đặt trước hay không?	Có, nhưng thực hiện theo phương thức thủ công	0.5
5.	Lời khai của phụ nữ có được đánh giá có giá trị tương đương với lời khai của đàn ông trong cùng một vụ việc giả định bất kỳ hay không?	Có	0.0
Chỉ số: Quản lý xét xử (0-6)			1.0

STT	Nội dung câu hỏi chỉ số thành phần	Câu trả lời	Đánh giá trên thang điểm mặc định
6.	Quy định về quy chuẩn thời gian phục vụ cho việc quản lý những khoảng thời gian trung gian giữa các phiên xét xử chủ chốt		1.0
	6a. Quy định pháp luật hiện hành có xây dựng nên các quy chuẩn về thời gian cho các phiên xét xử/sự kiện xét xử chủ chốt hay không?	Có	
	6b. Nếu có quy chuẩn về thời gian cho các phiên xét xử/sự kiện xét xử chủ chốt, quy chuẩn này có xây dựng cho ít nhất 03 phiên xét xử/sự kiện xét xử chủ chốt hay không?	Có	
	6c. Các quy chuẩn thời gian này có được áp dụng trong hơn 50% các vụ việc không?	Có	
7.	Quy định về hoãn xét xử		0.0
	7a. Liệu rằng có quy phạm pháp luật nào quy định về số lần tối đa được hoãn xét xử không?	Không	
	7b. Liệu rằng việc hoãn xét xử có bị hạn chế đối với các trường hợp không lường trước được hoặc trường hợp ngoại lệ hay không?	Không	
	7c.	Không có thông tin	

STT	Nội dung câu hỏi chỉ số thành phần	Câu trả lời	Đánh giá trên thang điểm mặc định
	Liệu rằng những quy tắc hoãn xét xử này có được áp dụng đối với nhiều hơn 50% số lượng vụ việc hay không?		
8.	Tòa có thẩm quyền có phát hành ít nhất 2 trên 4 báo cáo dưới đây không: (i) Báo cáo về phân bổ thời gian xét xử (đánh giá về việc định lượng/phân bổ thời gian xét xử cho mỗi vụ việc); (ii) Báo cáo về tỷ lệ giải quyết vụ việc (đo lường theo tỷ lệ số vụ việc được giải quyết xong/số vụ việc sắp tới); (iii) Báo cáo về các vụ việc tồn đọng (cung cấp thông tin một cách tổng quát về loại vụ việc, thời gian xử lý vụ việc, phiên xét xử gần nhất và hoạt động xét xử sắp tới được lên kế hoạch); và (iv) Báo cáo về tiến trình về một vụ việc đơn lẻ (cung cấp thông tin một cách tổng quát về một vụ việc cụ thể).	Không	0.0
9.	Có sự hiện diện của các phiên họp trước xét xử được sử dụng như một phương pháp quản lý xét xử hay không?	Không	0.0
10.	Có sự hiện diện của công cụ quản lý xét xử điện tử cho thẩm phán hay không?	Không	0.0
11.	Có sự hiện diện của công cụ quản lý xét xử điện tử cho luật sư hay không?	Không	0.0
Chỉ số: Tự động hóa tòa án (0-4)			0.0
12.	Có thể nộp đơn khởi kiện lần đầu trực tuyến thông qua một nền tảng điện tử được cung cấp bởi Tòa có thẩm quyền không?	Không	0.0

STT	Nội dung câu hỏi chỉ số thành phần	Câu trả lời	Đánh giá trên thang điểm mặc định
13.	Có thể sử dụng dịch vụ tiếp nhận xử lý đơn của Tòa thông qua nền tảng điện tử áp dụng cho các vụ việc được đệ trình trước Tòa án có thẩm quyền hay không?	Không	0.0
14.	Có sự hiện diện của hoạt động nộp án phí điện tử hay không?	Không	0.0
15.	Công khai phán quyết của tòa		0.0
	15a. Các bản án giải quyết tranh chấp thương mại ở tất cả các cấp đều được công khai cho công chúng thông qua công báo, các tạp chí, trên internet hay thông qua trang web của tòa án?	Không	
	15b. Các bản án giải quyết tranh chấp thương mại phúc thẩm và giám đốc thẩm đều được công khai cho công chúng thông qua công báo, các tạp chí, trên internet hay thông qua trang web của tòa án?	Không	
Chỉ số: Chấp thuận phương pháp giải quyết tranh chấp thay thế (0-3)			2.5
16.	Trọng tài thương mại		1.5
	16a. Liệu trong tài thương mại có được công nhận là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại trong một văn bản/chương/mục riêng biệt hay không?	Có	
	16b.	Không	

STT	Nội dung câu hỏi chỉ số thành phần	Câu trả lời	Đánh giá trên thang điểm mặc định
	Ngoài các tranh chấp thương mại liên quan đến chính sách công hoặc các vấn đề thuộc chính sách ra, có tranh chấp thương mại nào mà không được phép yêu cầu giải quyết tại trọng tài không?		
	16c. Liệu điều khoản trọng tài thương mại có được thường xuyên công nhận bởi tòa án không?	Có	
17.	Hòa giải thương mại		1.0
	17a. Liệu rằng hòa giải hay trung gian có được công nhận là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại hay không?	Có	
	17b. Liệu rằng phương thức giải quyết tranh chấp này có được quy định riêng biệt thành một văn bản pháp luật/một chương riêng biệt trong luật về tố tụng dân sự hay không?	Có	
	17c. Liệu rằng có tồn tại các ưu đãi tài chính cho các đương sự nếu sử dụng phương thức giải quyết tranh chấp thay thế này không (ví dụ như nếu thành công thì hoàn trả lại một phần án phí hoặc một phần thuế thu nhập cá nhân)?	Không	

BẢNG 3. Chi tiết về đánh giá chất lượng quy trình tư pháp năm 2017

STT	Nội dung câu hỏi chỉ số thành phần	Câu trả lời	Đánh giá trên thang điểm mặc định
Chỉ số: Cấu trúc tòa án và quy trình tố tụng (0-5)			3.0
1.	Có sự hiện diện của tòa thương mại chuyên trách, hoặc bộ phận chuyên trách để giải quyết tranh chấp thương mại hay không?	Có	1.5
2.	Giải quyết các vụ việc có giá trị nhỏ		0.0
	2a. Có sự hiện diện của tòa án chuyên xử lý các vụ việc có giá trị nhỏ và/hoặc thủ tục tố tụng rút gọn cho các vụ việc có giá trị nhỏ hay không?	Không	
	2b. Trong trường hợp có sự hiện diện của tòa án chuyên xử lý các vụ việc có giá trị nhỏ và/hoặc thủ tục tố tụng rút gọn cho các vụ việc có giá trị nhỏ, thì việc đương sự tự đại diện tố tụng trước tòa có được cho phép không?	Không có thông tin	
3.	Có sự hiện diện của các phiên họp tiền tố tụng (pretrial attachment) hay không?	Có	1.0
4.	Việc phân công án cho thẩm phán có được thực hiện ngẫu nhiên, không sắp đặt từ trước không?	Có, nhưng thực hiện theo phương thức thủ công	0.5
5.	Lời khai của phụ nữ có được đánh giá có giá trị tương đương với lời khai của đàn ông trong cùng một vụ việc giả định bất kỳ hay không?	Có	0.0
Chỉ số: Quản lý xét xử (0-6)			1.5

STT	Nội dung câu hỏi chỉ số thành phần	Câu trả lời	Đánh giá trên thang điểm mặc định
6.	Quy định về thời gian tiêu chuẩn quản lý những khoảng thời gian trung gian giữa các phiên xét xử chủ chốt		1.0
	6a. Quy định pháp luật hiện hành có xây dựng nên các quy chuẩn về thời gian cho các phiên xét xử/sự kiện xét xử chủ chốt hay không?	Có	
	6b. Nếu có quy chuẩn về thời gian cho các phiên xét xử/sự kiện xét xử chủ chốt, quy chuẩn này có xây dựng cho ít nhất 03 phiên xét xử/sự kiện xét xử chủ chốt hay không?	Có	
	6c. Các quy chuẩn thời gian này có được áp dụng trong hơn 50% các vụ việc không?	Có	
7.	Quy định về hoãn xét xử		0.5
	7a. Liệu rằng có quy phạm pháp luật nào quy định về số lần tối đa được hoãn xét xử không?	Không	
	7b. Liệu rằng việc hoãn xét xử có bị hạn chế đối với các trường hợp không lường trước được hoặc trường hợp ngoại lệ hay không?	Có	
	7c.	Có	

STT	Nội dung câu hỏi chỉ số thành phần	Câu trả lời	Đánh giá trên thang điểm mặc định
	Liệu rằng những quy tắc này có được áp dụng đối với nhiều hơn 50% số lượng vụ việc hay không?		
8.	Tòa có thẩm quyền có phát hành ít nhất 2 trên 4 báo cáo dưới đây không: (i) Báo cáo về phân bổ thời gian xét xử (đánh giá về việc định lượng/phân bổ thời gian xét xử cho mỗi vụ việc); (ii) Báo cáo về tỷ lệ giải quyết vụ việc (đo lường theo tỷ lệ số vụ việc được giải quyết xong/số vụ việc sắp tới); (iii) Báo cáo về các vụ việc tồn đọng (cung cấp thông tin một cách tổng quát về loại vụ việc, thời gian xử lý vụ việc, phiên xét xử gần nhất và hoạt động xét xử sắp tới được lên kế hoạch); và (iv) Báo cáo về tiến trình về một vụ việc đơn lẻ (cung cấp thông tin một cách tổng quát về một vụ việc cụ thể).	Không	0.0
9.	Có sự hiện diện của các phiên họp trước xét xử được sử dụng như một phương pháp quản lý xét xử hay không?	Không	0.0
10.	Có sự hiện diện của công cụ quản lý xét xử điện tử cho thẩm phán hay không?	Không	0.0
11.	Có sự hiện diện của công cụ quản lý xét xử điện tử cho luật sư hay không?	Không	0.0
Chỉ số: Tự động hóa tòa án (0-4)			0.0
12.	Có thể nộp đơn khởi kiện lần đầu trực tuyến thông qua một nền tảng điện tử được cung cấp bởi Tòa có thẩm quyền không?	Không	0.0
13.	Có thể sử dụng dịch vụ tiếp nhận xử lý đơn của Tòa thông qua nền tảng điện tử áp dụng cho các vụ việc được đệ trình trước Tòa án có thẩm quyền hay không?	Không	0.0

STT	Nội dung câu hỏi chỉ số thành phần	Câu trả lời	Đánh giá trên thang điểm mặc định
14.	Có sự hiện diện của hoạt động nộp án phí điện tử hay không?	Không	0.0
15.	Công khai phán quyết của tòa		0.0
15a.	Các bản án giải quyết tranh chấp thương mại ở tất cả các cấp đều được công khai cho công chúng thông qua công báo, các tạp chí, trên internet hay thông qua trang web của tòa án?	Không	
15b.	Các bản án giải quyết tranh chấp thương mại phúc thẩm và giám đốc thẩm đều được công khai cho công chúng thông qua công báo, các tạp chí, trên internet hay thông qua trang web của tòa án?	Không	
Chỉ số: Sử dụng phương pháp giải quyết tranh chấp thay thế (0-3)			2.0
16.	Trọng tài thương mại		1.5
16a.	Liệu trong tài thương mại có được công nhận là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại trong một văn bản/chương/mục riêng biệt hay không?	Có	
16b.	Ngoài các tranh chấp thương mại liên quan đến chính sách công hoặc các vấn đề thuộc chính sách ra, có tranh chấp thương mại nào mà không được phép yêu cầu giải quyết tại trọng tài không?	Không	

STT	Nội dung câu hỏi chỉ số thành phần	Câu trả lời	Đánh giá trên thang điểm mặc định
	16c. Liệu điều khoản trọng tài thương mại có được thường xuyên công nhận bởi tòa án không?	Có	
17.	Hòa giải thương mại		0.5
	17a. Liệu rằng hòa giải hay trung gian có được công nhận là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại hay không?	Có	
	17b. Liệu rằng phương thức giải quyết tranh chấp này có được quy định riêng biệt thành một văn bản pháp luật/một chương riêng biệt trong luật về tổ tụng dân sự hay không?	Không	
	17c. Liệu rằng có tồn tại ưu đãi về mặt tài chính cho các đương sự nếu sử dụng phương thức giải quyết tranh chấp này không (ví dụ như nếu thành công thì hoàn trả lại một phần án phí hoặc một phần thuế thu nhập cá nhân)?	Không	

BẢNG 4. Chi tiết về đánh giá chất lượng quy trình tư pháp năm 2016

STT	Nội dung câu hỏi chỉ số thành phần	Câu trả lời	Đánh giá trên thang điểm mặc định
Chỉ số: Cấu trúc tòa án và quy trình tố tụng (0-5)			3.0
1.	Có sự hiện diện của tòa thương mại chuyên trách, hoặc bộ phận chuyên trách để giải quyết tranh chấp thương mại hay không?	Có	1.5
2.	Giải quyết các vụ việc có giá trị nhỏ		0.0
	2a. Có sự hiện diện của tòa án chuyên xử lý các vụ việc có giá trị nhỏ và/hoặc thủ tục tố tụng rút gọn cho các vụ việc có giá trị nhỏ hay không?	Không	
	2b. Trong trường hợp có sự hiện diện của tòa án chuyên xử lý các vụ việc có giá trị nhỏ và/hoặc thủ tục tố tụng rút gọn cho các vụ việc có giá trị nhỏ, thì việc đương sự tự đại diện tố tụng trước tòa có được cho phép không?	Không có thông tin	
3.	Có sự hiện diện của các phiên họp tiền tố tụng (pretrial attachment) hay không?	Có	1.0
4.	Việc phân công án cho thẩm phán có được thực hiện ngẫu nhiên, không sắp đặt từ trước không?	Có, nhưng thực hiện theo phương thức thủ công	0.5
Chỉ số: Quản lý xét xử (0-6)			1.5
5.	Quy định về thời gian tiêu chuẩn quản lý những khoảng thời gian trung gian giữa các phiên xét xử chủ chốt		1.0
	5a. Quy định pháp luật hiện hành có xây dựng nên các quy chuẩn về thời gian cho các phiên xét xử/sự kiện xét xử chủ chốt hay không?	Có	

STT	Nội dung câu hỏi chỉ số thành phần	Câu trả lời	Đánh giá trên thang điểm mặc định
	5b. Nếu có quy chuẩn về thời gian cho các phiên xét xử/sự kiện xét xử chủ chốt, quy chuẩn này có xây dựng cho ít nhất 03 phiên xét xử/sự kiện xét xử chủ chốt hay không?	Có	
	5c. Các quy chuẩn thời gian này có được áp dụng trong hơn 50% các vụ việc không?	Có	
6.	Quy định về thời gian tiêu chuẩn quản lý những khoảng thời gian trung gian giữa các phiên xét xử chủ chốt		0.5
	6a. Quy định pháp luật hiện hành có xây dựng nên các quy chuẩn về thời gian cho các phiên xét xử/sự kiện xét xử chủ chốt hay không?	Có	
	6b. Nếu có quy chuẩn về thời gian cho các phiên xét xử/sự kiện xét xử chủ chốt, quy chuẩn này có xây dựng cho ít nhất 03 phiên xét xử/sự kiện xét xử chủ chốt hay không?	Có	
	6c. Các quy chuẩn thời gian này có được áp dụng trong hơn 50% các vụ việc không?	Có	
7.	Tòa có thẩm quyền có phát hành ít nhất 2 trên 4 báo cáo dưới đây không: (i) Báo cáo về phân bổ thời gian xét xử (đánh giá về việc định lượng/phân bổ thời gian xét xử cho mỗi vụ việc);	Không	0.0

STT	Nội dung câu hỏi chỉ số thành phần	Câu trả lời	Đánh giá trên thang điểm mặc định
	(ii) Báo cáo về tỷ lệ giải quyết vụ việc (đo lường theo tỷ lệ số vụ việc được giải quyết xong/số vụ việc sắp tới); (iii) Báo cáo về các vụ việc tồn đọng (cung cấp thông tin một cách tổng quát về loại vụ việc, thời gian xử lý vụ việc, phiên xét xử gần nhất và hoạt động xét xử sắp tới được lên kế hoạch); và (iv) Báo cáo về tiến trình về một vụ việc đơn lẻ (cung cấp thông tin một cách tổng quát về một vụ việc cụ thể).		
8.	Có sự hiện diện của các phiên họp trước xét xử được sử dụng như một phương pháp quản lý xét xử hay không?	Không	0.0
9.	Có sự hiện diện của công cụ quản lý xét xử điện tử cho thẩm phán hay không?	Không	0.0
10.	Có sự hiện diện của công cụ quản lý xét xử điện tử cho luật sư hay không?	Không	0.0
Chỉ số: Tự động hóa tòa án (0-4)			0.0
11.	Có thể nộp đơn khởi kiện lần đầu trực tuyến thông qua một nền tảng điện tử được cung cấp bởi Tòa có thẩm quyền không?	Không	0.0
12.	Có thể sử dụng dịch vụ tiếp nhận xử lý đơn của Tòa thông qua phương thức điện tử cho các vụ việc được đệ trình trước Tòa án có thẩm quyền hay không?	Không	0.0
13.	Có sự hiện diện của hoạt động nộp án phí điện tử hay không?	Không	0.0
14.	Công khai phán quyết của tòa		0.0
	14a.	Không	

STT	Nội dung câu hỏi chỉ số thành phần	Câu trả lời	Đánh giá trên thang điểm mặc định
	Các bản án giải quyết tranh chấp thương mại ở tất cả các cấp đều được công khai cho công chúng thông qua công báo, các tạp chí, trên internet hay thông qua trang web của tòa án?		
	14b. Các bản án giải quyết tranh chấp thương mại phúc thẩm và giám đốc thẩm đều được công khai cho công chúng thông qua công báo, các tạp chí, trên internet hay thông qua trang web của tòa án?	Không	
Chỉ số: Sử dụng phương pháp giải quyết tranh chấp thay thế (0-3)			2.0
15.	Trọng tài thương mại		1.5
	15a. Liệu trọng tài thương mại có được công nhận là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại trong một văn bản/chương/mục riêng biệt hay không?	Có	
	15b. Ngoài các tranh chấp thương mại liên quan đến chính sách công hoặc các vấn đề thuộc chính sách ra, có tranh chấp thương mại nào mà không được phép yêu cầu giải quyết tại trọng tài không?	Không	
	15c. Liệu điều khoản trọng tài thương mại có được thường xuyên công nhận bởi tòa án không?	Có	
16.	Hòa giải thương mại		0.5

STT	Nội dung câu hỏi chỉ số thành phần	Câu trả lời	Đánh giá trên thang điểm mặc định
	16a. Liệu rằng hòa giải hay trung gian có được công nhận là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại hay không?	Có	
	16b. Liệu rằng phương thức giải quyết tranh chấp này có được quy định riêng biệt thành một văn bản pháp luật/một chương riêng biệt trong luật về tổ tụng dân sự hay không?	Không	
	16c. Liệu rằng có tồn tại ưu đãi về mặt tài chính cho các đương sự nếu sử dụng phương thức giải quyết tranh chấp này không (ví dụ như nếu thành công thì hoàn trả lại một phần án phí hoặc một phần thuế thu nhập cá nhân)?	Không	

PHỤ LỤC 3: TỔNG HỢP THỰC TIỄN TỐT CỦA CÁC QUỐC GIA TRONG CẢI CÁCH ĐẢM BẢO THỰC THI HỢP ĐỒNG

Thực tiễn tốt trong việc cải cách đảm bảo thực thi hợp đồng sẽ tập trung vào một số cải cách của ngành Tòa án trong hoạt động quản lý tư pháp và hỗ trợ thi hành án. Cụ thể, theo Báo cáo Môi trường Kinh doanh 2018 (Doing Business 2018) thì thực tiễn tốt được phân loại theo các tiêu chí bao gồm:

- Tổ chức Tòa chuyên trách độc lập hoặc tổ chức bộ phận/nhóm Thẩm phán chuyên trách để giải quyết tranh chấp về kinh doanh thương mại
- Tổ chức mô hình tố tụng/Tòa án giải quyết tranh các tranh chấp có giá trị nhỏ hoặc xây dựng thủ tục tố tụng đơn giản cho các tranh chấp có giá trị nhỏ
- Thiết lập hoặc mở rộng mô hình quản lý tư pháp
- Điện tử hóa Tòa án/thủ tục tố tụng
- Tin học hóa và nâng cao hiệu quả của Tòa án
- Áp dụng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế ngoài Tòa án

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
I. Tổ chức Tòa chuyên trách độc lập hoặc tổ chức bộ phận/nhóm Thẩm phán chuyên trách để giải quyết tranh chấp về kinh doanh thương mại			
1.	Dữ liệu cho thấy 99 trong số 190 nền kinh tế thuộc đối tượng nghiên cứu của Báo cáo Môi trường Kinh doanh 2018 có hệ thống Tòa chuyên trách về kinh doanh thương mại -	Bu-tan (Bhutan)	Bu-tan giúp cho việc thực thi hợp đồng dễ dàng hơn bằng việc thiết lập một đoàn thẩm phán riêng biệt chuyên xét xử các tranh chấp kinh doanh thương mại.

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
2.	được hình thành trên cơ sở thiết lập một Tòa chuyên trách độc lập xử lý các tranh chấp về kinh doanh thương mại, hoặc trên cơ sở xây dựng một bộ phận chuyên trách (Division)/nhóm Thẩm phán chuyên trách (Judges) nằm trong Tòa án để giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại - Những quốc gia có với các Tòa án giải quyết tranh chấp về kinh doanh thương mại độc lập bao gồm Áo, Bỉ, Bờ biển Ngà, Mali và Sri Lanka. - Những quốc gia có bộ phận chuyên trách giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại trong Tòa án của họ bao gồm Bê-nanh, Kenya, Nigeria - Lagos, Uganda, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ - New York. - Trong số 17 nền kinh tế được Báo cáo Môi trường Kinh doanh 2018 tiến hành khảo sát/đo lường ở hai thành phố, Trung Quốc, Ấn Độ và Liên bang Nga là những nơi thiết lập các Tòa án chuyên trách độc lập hoặc các bộ phận chuyên trách thuộc Tòa án để giải quyết tranh	17 nền kinh tế châu Phi cận sa mạc Sahara bao gồm: - Bê-nanh (Benin) - Buốc kina Pha-xô (Burkina Faso) - Ca-mơ-run (Cameroon) - Bờ biển Ngà (Côte d'Ivoire) - Ga-na (Ghana) - Ghi-nê Xích đạo (Guinea-Bissau) - Lê-xô-thô (Lesotho) - Li-bê-ria (Liberia) - Ma-la-uy (Malawi) - Cộng hòa Maurice (Mauritius) - Mô-dăm-bích (Mozambique), - Ni-gie (Niger), - Ru-an-đa (Rwanda)	- Những nền kinh tế này đã xây dựng các Tòa chuyên trách/các bộ phận chuyên trách thuộc Tòa án để giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại từ năm 2005. Nhờ có hệ thống Tòa chuyên trách này, thời gian trung bình để giải quyết một vụ tranh chấp kinh doanh thương mại giả định theo khảo sát của Báo cáo Môi trường Kinh doanh 2018 đã giảm xuống khoảng 02 tháng. - Tại Bờ biển Ngà, thời gian trung bình để giải quyết vụ tranh chấp kinh doanh thương mại giả định giảm được hơn 08 tháng. Năm 2011, giải quyết tranh chấp thương mại ở thủ đô Abidjan mất 770 ngày. Vào năm 2013, sau khi thành lập một Tòa chuyên trách giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại, khoảng thời gian này rơi vào 585 ngày. Hiện tại, giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại chỉ mất 525 ngày.

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
	chấp kinh doanh thương mại ở cả hai thành phố. Một số nội dung phân tích tiêu biểu sẽ được thể hiện ở 02 cột thông tin bên cạnh.	- Xê-nê-gan (Senegal) - Xây-sen (Seychelles) - Xi-ê-ra Lê-ôn (Sierra Leone) và - Cộng hòa Togo (Togo)	
II. Tổ chức mô hình tố tụng/Tòa án giải quyết tranh chấp có giá trị nhỏ hoặc xây dựng thủ tục tố tụng đơn giản cho các tranh chấp có giá trị nhỏ			
1.	Theo thống kê tổng quát, đã có 133 quốc gia xây dựng mô hình tố tụng/Tòa án giải quyết các tranh chấp có giá trị nhỏ hoặc xây dựng quy trình tố tụng rút gọn cho các vụ việc nhỏ trong tòa sơ thẩm. Trong số 133 quốc gia này, có 121 quốc gia cho phép các bên được tiến hành tự đại diện trong quá trình tố tụng. Hệ thống Tòa án riêng biệt để xử lý những vụ tranh chấp có giá trị nhỏ giúp đáp ứng các mục tiêu hiện đại về hiệu suất hoạt động và tính hiệu quả về chi phí trong giải quyết tranh chấp bằng cách cung cấp một cơ chế giải quyết nhanh chóng và không tốn kém. Ngoài	Bốt-sni-a và Héc-xê-gô-vi-na (Bosnia and Herzegovina)	Bốt-sni-a và Héc-xê-gô-vi-na đã xây dựng mô hình tố tụng/Tòa án chuyên biệt để giải quyết các tranh chấp có giá trị nhỏ, và trong đó, quy định cho phép các bên tự đại diện trong quá trình tố tụng.

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
	ra, cơ chế này có xu hướng giảm bớt lượng đơn khởi kiện tồn đọng và khối lượng công việc của các Tòa án thuộc cấp cao hơn. Các Tòa án xử lý vụ tranh chấp có giá trị nhỏ thường sử dụng các phiên điều trần không chính thức, các quy tắc chứng minh/đối chất chứng cứ đơn giản và thường cho phép các bên tự đại diện trước tòa.		
III. Thiết lập hoặc mở rộng mô hình quản lý tư pháp			
1.	- Có 91 quốc gia tổ chức thực hiện các phiên họp trước xét xử như một công cụ quản lý tư pháp.	Guy-a-na (Guyana)	Guy-a-na đã ban hành bộ luật về tố tụng dân sự trong đó quy định về quy chuẩn thời gian để quản lý khoảng thời gian trung gian giữa các giai đoạn tố tụng chủ chốt trong một vụ việc.
2.	- Có 92 quốc gia ban hành các quy định pháp luật về việc xây dựng quy chuẩn thời gian để quản lý khoảng thời gian trung gian giữa các giai đoạn tố tụng chủ chốt (ít nhất 03 giai đoạn). Tuy nhiên những quy chuẩn thời gian này chỉ được tuân thủ trên thực tế tại 60 quốc gia.	Ka-zắc-xtan (Kazakhstan)	Ka-zắc-xtan thiết lập quy chuẩn thời gian bổ sung để quản lý khoảng thời gian trung gian giữa các giai đoạn tố tụng chủ chốt. Quy định bổ sung này của Ka-zắc-xtan được tuân thủ tại phần lớn các tranh chấp được giải quyết.
3.		Ni-ca-ra-goa (Nicaragua)	Ni-ca-ra-goa ban hành bộ luật mới về tố tụng dân sự, trong đó quy định các nguyên tắc nghiêm ngặt về hoạt động quản lý tư pháp.
4.	- Có 37 quốc gia có quy định chi tiết về việc hoãn xét xử.	Xê-nê-gan (Senegal)	Xê-nê-gan thiết lập những quy định nghiêm ngặt về phiên điều trần trước xét xử. Những quy định mới này giúp cắt giảm thời gian không

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
	Đánh giá tổng quan về những công cụ quản lý tư pháp ở các nền kinh tế, có 03 công cụ chính được Báo cáo Môi trường Kinh doanh 2018 liệt kê bao gồm: (i) xây dựng quy định thiết lập tiêu chuẩn thời gian quản lý khoảng thời gian trung gian giữa các giai đoạn tố tụng chủ chốt (ít nhất 03 phiên giai đoạn), (ii) tổ chức các phiên họp thảo luận trước xét xử để thu hẹp các vấn đề gây tranh cãi và		cần thiết và hỗ trợ tốt hơn cho việc giải quyết các vụ việc tranh chấp kinh doanh thương mại.
5.	nghiên cứu sơ bộ tính phức tạp của vụ việc trước khi xét xử chính thức tại Tòa án, (iii) thiết lập lịch trình xét xử và kiểm tra/xác nhận với các đương sự về khả năng giải quyết vụ việc.	Xéc-bi-a (Serbia)	Xéc-bi-a xây dựng văn bản luật mới về thi hành án. Văn bản luật mới này đã mở rộng và làm rõ nghĩa vụ thi hành của các cơ quan nhà nước, đồng thời quy định rõ vai trò và quyền lực của Tòa án trong quá trình thi hành án.
6.		Xlô-va-ki-a (Slovakia)	Xlô-va-ki-a đã thông qua bộ luật mới về tố tụng dân sự mà trong đó thiết lập các phiên họp trước xét xử như là một phương pháp/công cụ để quản lý tư pháp.
7.	Một phương thức khác để quản lý tư pháp là việc sử dụng các báo cáo quản lý xét xử - trong đó biên soạn và phân tích các nội dung xét xử. Báo cáo xét xử dùng trong việc quản lý tư pháp được công bố công khai ở 71 nền kinh tế.	Namibia	Quá trình cải cách của Namibia đã được thực hiện từ năm 2014. Quốc gia này đã ban hành nhiều nguyên tắc mới về hoạt động của Tòa án, trong đó kết hợp các nguyên tắc về quản lý tố tụng, bao gồm: giới hạn thời gian quản lý cho khoảng thời gian trung gian giữa các giai đoạn tố tụng chủ chốt của một vụ việc; xây dựng cơ chế quản lý tư pháp thông qua các phiên họp trước xét xử; quản lý về sự can thiệp sớm của các thẩm phán; xây dựng công cụ giải quyết các vụ việc bị “bỏ dở” bởi các đương sự.

IV. Điện tử hóa Tòa án/thủ tục tố tụng

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
1.	Việc đo lường tính điện tử hóa Tòa án/thủ tục tố tụng của Báo cáo Môi trường Kinh doanh 2018 chủ yếu tập trung vào hoạt động xây dựng hệ thống điện tử hỗ trợ nộp đơn trực tiếp, nộp án phí trực tuyến và thực hiện các quy trình khác của Tòa án một cách trực tuyến. Những hoạt động này sẽ giúp Tòa án thúc đẩy quá trình xét xử và giảm thiểu tình trạng tham nhũng.	A-déc-bai-zan (Azerbaijan)	A-déc-bai-zan xây dựng 01 hệ thống cho phép người sử dụng có thể nộp án phí trực tuyến (pay court fees electronically).
2.	Trong 06 năm gần đây, Báo cáo Môi trường Kinh doanh 2018 đã ghi nhận 18 cải cách tập trung vào việc xây dựng hệ thống nộp đơn điện tử cho các vụ việc thương mại. Hiện nay, đơn khởi kiện lần đầu nộp trực tuyến được chấp nhận tại 31 nền kinh tế. Tương tự, điện tử hóa quá trình xét xử, ví dụ như triệu tập lần đầu thông qua e-mail, fax hoặc tin nhắn văn bản đang được thực hiện ở 30 nền kinh tế. Nộp án phí điện tử là tính năng phổ biến nhất được áp dụng tại 55 nền kinh tế.	Bru-nây (Brunei Darussalam)	Bru-nây thiết lập hệ thống quản lý tố tụng điện tử, cho phép cả thẩm phán và luật sư truy cập sử dụng.
		Hàn Quốc	Hàn Quốc xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ xét xử điện tử, cho phép cả thẩm phán và luật sư truy cập sử dụng. Hiện nay Hàn Quốc đang là quốc gia xếp hạng cao nhất theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới về việc đảm bảo thực thi hợp đồng hay nói cách khác là Hàn Quốc đang dẫn đầu thế giới trong hoạt động điện tử hóa hành chính tư pháp. Việc điện tử hóa hoạt động của Tòa án được thể hiện chi tiết tại website của Tòa án. Lấy Tòa án Tối cao Hàn Quốc làm ví dụ tiêu biểu, theo đó, những hoạt động chính của Tòa án được điện tử hóa bao gồm: <i>Hệ thống nộp hồ sơ điện tử (Electronic Case Filing System)</i> Hệ thống nộp hồ sơ điện tử (ECFS) là một hệ thống toàn diện cho phép đương sự và luật sư của họ nộp và quản lý các vụ việc, cũng như truy cập thông tin và thủ tục của Tòa án điện tử. Họ có thể nộp tất cả các tài liệu Tòa án, bằng chứng dưới hình thức văn bản và dưới dạng kỹ thuật số qua Internet mà không cần đến trực tiếp các Tòa án. Sau khi nộp hồ sơ qua ECFS, nguyên đơn sẽ nhận được thông báo bằng e-mail/tin nhắn văn bản khi các bên khác gửi tài liệu cho Tòa án. Những thông báo này cùng với việc hỗ trợ truy cập hồ sơ vụ việc và thực hiện

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
			thủ tục điện tử sẽ cho phép tất cả các bên sử dụng ECFS kịp thời kiểm tra tình trạng hiện tại của thủ tục tố tụng. ECFS cũng cho phép các thẩm phán và quan chức Tòa án quản lý các vụ việc hiệu quả hơn bằng cách xem hồ sơ vụ việc điện tử và kiểm tra tình trạng vụ kiện một cách nhanh chóng. Thẩm phán có thể tiến hành phiên xử không cần giấy tờ bản cứng vì tất cả các hồ sơ đã được điện tử hóa, bao gồm tài liệu được lấy từ cơ sở dữ liệu trung tâm và xem trên màn hình cá nhân và màn hình lớn hơn trong phòng xử án. <i>Hệ thống website (Korean Judiciary's official Website)</i> Địa chỉ trang web chính thức của Tòa án Hàn Quốc là www.scourt.go.kr với số lượng trung bình hàng ngày khoảng 100.000 người dùng truy cập trang web. Trang web này có bốn mục lớn bao gồm (i) Giới thiệu về Tòa án, (ii) Tòa án Tối cao, (iii) Tòa án của từng cấp xét xử và (iv) Dịch vụ công. Mỗi trang web của Tòa án tối cao và các Tòa án của từng cấp xét xử sẽ cung cấp các thông tin như giới thiệu về Tòa án, giới thiệu các quyết định của Tòa án lớn và các thông báo khác. Mục Dịch vụ công cung cấp các dịch vụ khác nhau như tìm kiếm vụ việc, tìm kiếm quyết định của Tòa án, tìm kiếm các thông tin pháp lý một cách toàn diện, tìm kiếm mẫu đơn yêu cầu cung cấp thông tin, ... theo 06 tiểu mục bao gồm: (i) Tin tức, (ii) Quyết định/bản án, (iii) Thông báo, (iv) Thông tin, (v) Sự tham gia của các bên, (v) Các nguồn tài liệu để hoạt động như một kênh giao tiếp chính với công chúng. Chính phủ cũng đang cân nhắc việc xây dựng trang web theo hướng thuận tiện cho việc truy

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
			cập tìm hiểu thông tin dành cho nhóm đối tượng người khiếm thị, người khiếm thính và những người bị thiệt thòi. Một trang web dành cho trẻ em được lập riêng để giới thiệu cho trẻ em về công việc của Tòa án, các loại hình tố tụng và thủ tục tố tụng. Hình ảnh và các câu đố vui cũng được thiết kế theo hướng tạo cảm giác thân thiện với trẻ em. Các trang web cho mỗi cấp Tòa án đều cung cấp các dịch vụ công tương tự nhau. Trang web tiếng Anh (www.scourt.go.kr/eng) dành cho người nước ngoài và trang web dành cho điện thoại di động dành cho người dùng điện thoại thông minh cũng đang được vận hành riêng. <i>Trang chủ cho việc tự đại diện trong tranh chấp dân sự (Self-Represented Litigation (Civil Case) Homepage)</i> Trang chủ cho việc tự đại diện trong tranh chấp dân sự (http://pro-se.scourt.go.kr) là một trang web cung cấp cho đương sự tiến hành việc tự đại diện trong tranh chấp những thông tin cần thiết để nộp hồ sơ tranh tụng mà không cần sự giúp đỡ của người đại diện hoặc bên công chứng (certified judicial scrivener). Trang chủ này cung cấp thông tin chi tiết về các thủ tục tố tụng và cách thức phản hồi đơn khởi kiện từ các bên khác. Ngoài ra, trang chủ cũng cho phép tải xuống các mẫu tài liệu bắt buộc trong tranh tụng và cung cấp hướng dẫn điền những loại tài liệu này. Đương sự tự đại diện có thể dễ dàng soạn tài liệu cho vụ tranh tụng dưới dạng thức điện tử thông qua trang web này và những thông tin đã được đăng ký trong các tài liệu đó có thể tiếp tục được sử dụng lại bởi các Tòa án.

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
3.		Hungary	Hungary xây dựng 01 hệ thống cho phép người sử dụng có thể nộp án phí trực tuyến.
		Malaysia	Malaysia xây dựng Tòa án điện tử bằng hệ thống quản lý tư pháp điện tử (CMS). Với hệ thống này, việc quản lý xét xử các vụ việc được tiến hành an toàn và có hệ thống hơn. Hệ thống này có thể được truy cập bởi nhân viên Tòa án, cán bộ và thẩm phán. Có một mô-đun phụ trong hệ thống quản lý tư pháp là “Nộp đơn điện tử” và “Đăng ký điện tử”. Ngoài ra, hệ thống quản lý đơn chưa được giải quyết (hay còn gọi là hệ thống quản lý đơn xếp hàng chờ - QMS - Queue Management System) cũng là một hệ thống cơ bản khác được sử dụng để quản lý tư pháp liên quan đến các Tòa án và các bên tranh chấp. Đồng thời, mô-đun phụ được đặt tên là “Cá nhân hoá trang của tôi” cũng được thiết kế để quản lý tất cả các tranh chấp giải quyết bởi Tòa án một cách có hệ thống hơn. Cụ thể, mỗi thẩm phán đều có trang web cá nhân chứa dữ liệu và thông tin liên quan đến các vụ tranh chấp bao gồm: số lượng và tình trạng của các vụ việc đang chờ giải quyết, số lượng bản án chưa được ban hành, số lượng các vụ việc đã hoàn thành/chưa hoàn thành, ... ³⁹
4.		Namibia	Namibia xây dựng hệ thống điện tử hỗ trợ việc nộp đơn và quản lý tố tụng. Hệ thống này cho phép cả thẩm phán và luật sư truy cập sử dụng.

³⁹ Tham khảo đường link: https://www.researchgate.net/publication/265180160_THE_E-COURT_SYSTEM_IN_MALAYSIA

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
5.		Ả Rập Xê Út (Saudi Arabia)	Ả Rập Xê Út xây dựng hệ thống quản lý tố tụng điện tử, cho phép cả thẩm phán và luật sư truy cập sử dụng.
6.		Thụy Sĩ (Switzerland)	Thụy Sĩ thiết lập 01 hệ thống nộp đơn trực tuyến.
7.		Thái Lan (Thailand)	Thái Lan xây dựng 01 hệ thống cho phép người dùng nộp án phí trực tuyến. Thái Lan cũng hỗ trợ giảm thiểu thời gian thi hành án bằng cách tăng cường điện tử hóa vào quy trình thi hành án.
8.		Singapore	Singapore đã khởi động Hệ thống nộp đơn điện tử (EFS) trong một thời gian dài và kết quả tích cực của hệ thống này đã được kiểm chứng. EFS được thử nghiệm lần đầu tiên vào năm 1997 tại Tòa án tối cao. EFS là một mạng lưới điện tử mang tính cách mạng, tích hợp, thiết kế trên nền tảng máy tính có phạm vi toàn quốc để tạo thuận lợi cho việc giải quyết hiệu quả và nhanh chóng những vụ kiện dân sự tại Singapore. EFS liên kết hệ thống Tư pháp của Singapore với một số văn phòng dịch vụ, các hãng luật và các tổ chức khác để tạo thành một mạng lưới rộng lớn để tạo thuận lợi cho việc tiến hành kiện tụng dân sự trong một môi trường không cần giấy tờ... Trên trang chủ của Tòa án Tối cao của Singapore, tất cả các nội dung hỗ trợ và dịch vụ công được ghi nhận và hướng dẫn tại mục Dịch vụ (Services). Mục Dịch vụ

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
			này sẽ phân loại thành 02 mục chính (i) Dịch vụ phục vụ việc tự tìm hiểu (bao gồm những thông tin về hướng dẫn đối với án phí, các thuật ngữ dùng trong tranh tụng, giới thiệu các mô hình xét xử của Singapore), và (ii) Dịch vụ phục vụ hoạt động của Tòa án (bao gồm: cung cấp mẫu đơn, cung cấp dịch vụ giải thích pháp luật và chuyển dịch sang các ngôn ngữ khác, ...). Ngoài ra, hệ thống này cho phép đương sự nộp hồ sơ trực tuyến và cho phép Tòa án thông báo/liên lạc với các đương sự và luật sư về vụ việc của họ thông qua e-mail, tin nhắn văn bản; quản lý các phiên điều trần; và thậm chí tổ chức một số phiên điều trần thông qua họp bằng video (video conference).
V. Tin học hóa và nâng cao hiệu quả của Tòa án			
1.	Các nền kinh tế trong nhóm thu nhập cao của OECD, Châu Âu và Trung Á có xu hướng điện tử hóa Tòa án/thủ tục tố tụng và quản lý các vụ việc tốt hơn so với các khu vực khác.	Ấn Độ (India)	Ấn Độ áp dụng hệ thống dữ liệu tư pháp quốc gia (National Judicial Data Grid). Hệ thống này có thể hỗ trợ trong việc truy xuất các báo cáo quản lý xét xử của các tòa địa phương. Cải cách này áp dụng tại 02 thành phố là Delhi và Mumbai.
2.	Các quốc gia trong 02 khu vực này chiếm 21 trong số 31 nền kinh tế trên toàn thế giới triển khai hoạt động nộp đơn điện tử và 20 trong số 36 nền kinh tế cung cấp hệ thống quản lý hồ sơ điện tử cho cả 02 nhóm đối tượng là thẩm phán và luật sư. Bên ngoài các khu vực	Mô-ri-ta-ni-a (Mauritania)	Mô-ri-ta-ni-a thực hiện việc công khai các bản án về những vụ việc tranh chấp kinh doanh thương mại (ở tất cả các cấp độ) trên website của Tòa án.
3.		Ru-an-đa (Rwanda)	Ru-an-đa thực hiện việc công khai các bản án về những vụ việc tranh chấp kinh doanh thương mại (ở tất cả các cấp độ) trên website của Tòa án.

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
4.	này, hoạt động điện tử hóa Tòa án vẫn còn hạn chế: có tổng cộng 76 nền kinh tế đạt 0 điểm về chỉ số điện tử hóa Tòa án trên toàn thế giới, và 71 trong số đó không thuộc khu vực châu Âu và Trung Á mà thuộc các khu vực còn lại. Một số cải cách tiêu biểu trong năm 2018 được liệt kê ở các cột bên.	Hàn Quốc	Hàn Quốc xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ xét xử điện tử, cho phép cả thẩm phán và luật sư truy cập sử dụng. Việc tin học hóa/kỹ thuật số hóa hoạt động của Tòa án được thể hiện chi tiết tại website của Tòa án. Lấy Tòa án Tối cao Hàn Quốc làm ví dụ tiêu biểu, theo đó, những hoạt động chính của Tòa án được tin học hóa bao gồm: 1. Hệ thống nộp hồ sơ điện tử (Electronic Case Filing System) Hệ thống nộp hồ sơ điện tử (ECFS) là một hệ thống toàn diện cho phép đương sự và luật sư của họ nộp và quản lý các vụ việc, cũng như truy cập thông tin và thủ tục của Tòa án điện tử. Họ có thể nộp tất cả các tài liệu Tòa án, bằng chứng dưới hình thức văn bản và dưới dạng kỹ thuật số qua Internet mà không cần đến trực tiếp các Tòa án. Sau khi nộp hồ sơ qua ECFS, nguyên đơn sẽ nhận được thông báo bằng e-mail/tin nhắn văn bản khi các bên khác gửi tài liệu cho Tòa án. Nếu bị đơn đồng ý tham gia vào quy trình nộp đơn điện tử, họ cũng có thể nhận được thông báo điện tử về việc nộp tài liệu của các bên khác. Những thông báo này cùng với việc hỗ trợ truy cập hồ sơ vụ việc và thực hiện thủ tục điện tử sẽ cho phép tất cả các bên sử dụng ECFS kịp thời kiểm tra tình trạng hiện tại của thủ tục tố tụng. ECFS cũng cho phép các thẩm phán và quan chức Tòa án quản lý các vụ việc hiệu quả hơn bằng cách xem hồ sơ vụ việc điện tử và kiểm tra tình trạng vụ kiện một cách nhanh chóng. Thẩm phán có thể tiến hành phiên xử không cần giấy tờ bản cứng vì tất cả các hồ sơ đã được điện

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
			tử hóa, bao gồm tài liệu được lấy từ cơ sở dữ liệu trung tâm và xem trên màn hình cá nhân và màn hình lớn hơn trong phòng xử án. 2. Hệ thống website (Korean Judiciary's official Website) Địa chỉ trang web chính thức của Tòa án Hàn Quốc là www.scourt.go.kr với số lượng trung bình hàng ngày khoảng 100.000 người dùng truy cập trang web. Trang web này có bốn mục lớn bao gồm (i) Giới thiệu về Tòa án, (ii) Tòa án Tối cao, (iii) Tòa án của từng cấp xét xử và (iv) Dịch vụ công. Mỗi trang web của Tòa án tối cao và các Tòa án của từng cấp xét xử sẽ cung cấp các thông tin như giới thiệu về Tòa án, giới thiệu các quyết định của Tòa án lớn và các thông báo khác. Mục Dịch vụ công cung cấp các dịch vụ khác nhau như tìm kiếm vụ việc, tìm kiếm quyết định của Tòa án, tìm kiếm các thông tin pháp lý một cách toàn diện, tìm kiếm mẫu đơn yêu cầu cung cấp thông tin, ... theo 06 tiểu mục bao gồm: (i) Tin tức, (ii) Quyết định/bản án, (iii) Thông báo, (iv) Thông tin, (v) Sự tham gia của các bên, (v) Các nguồn tài liệu để hoạt động như một kênh giao tiếp chính với công chúng. Chính phủ cũng đang cân nhắc việc xây dựng trang web theo hướng thuận tiện truy cập tìm hiểu thông tin dành cho nhóm đối tượng người khiếm thị, người khiếm thính và những người bị thiệt thòi. Một trang web dành cho trẻ em được lập riêng để giới thiệu cho trẻ em về công việc của Tòa án, các loại hình tố tụng và thủ tục tố tụng. Hình ảnh và các câu đố vui cũng được thiết kế theo hướng tạo cảm giác thân thiện với trẻ em. Các trang web cho mỗi cấp Tòa án đều cung cấp các dịch vụ công tương tự nhau. Trang web tiếng Anh (www.scourt.go.kr/eng) dành cho người nước ngoài và

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
			trang web dành cho điện thoại di động dành cho người dùng điện thoại thông minh cũng đang được vận hành riêng. 3. Trang chủ cho việc tự đại diện trong tranh chấp dân sự (Self-Represented Litigation (Civil Case) Homepage) Trang chủ cho việc tự đại diện trong tranh chấp dân sự (http://pro-se.scourt.go.kr) là một trang web cung cấp cho đương sự tiến hành việc tự đại diện trong tranh chấp những thông tin cần thiết để nộp hồ sơ tranh tụng mà không cần sự giúp đỡ của người đại diện hoặc bên công chứng (certified judicial scrivener). Trang chủ này cung cấp thông tin chi tiết về các thủ tục tố tụng và cách thức phản hồi đơn khởi kiện từ các bên khác. Ngoài ra, trang chủ cũng cho phép tải xuống các mẫu tài liệu bắt buộc trong tranh tụng và cung cấp hướng dẫn điền những loại tài liệu này. Đương sự tự đại diện có thể dễ dàng soạn tài liệu cho vụ tranh tụng dưới dạng thức điện tử thông qua trang web này và những thông tin đã được đăng ký trong các tài liệu đó có thể tiếp tục được sử dụng lại bởi các Tòa án. 4. Hệ thống thông tin pháp lý toàn diện (Comprehensive Legal Information System) Hệ thống thông tin pháp lý toàn diện (CLIS) là một hệ thống tìm kiếm thông tin cho phép mọi người tìm kiếm (i) án lệ của Tòa án tối cao và các Tòa án thuộc cấp xét xử thấp hơn; (ii) các quy định của luật pháp Hàn Quốc; (iii) các quy định của Tòa án tối cao; (iv) nội quy, và các quy

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
			định nội bộ của Tòa án, và (v) tài liệu pháp lý một cách nhanh chóng và chính xác. Mọi người có thể tìm kiếm thông tin pháp lý cập nhật thông qua công cụ tìm kiếm thông minh của CLIS. Được trang bị cơ sở dữ liệu dựa trên công nghệ XML (eXtensible Markup Language), hệ thống này sẽ chia sẻ thông tin với Bộ Pháp chế của Chính phủ và Quốc hội Hàn Quốc (Ministry of Government Legislation and the National Assembly of the Republic of Korea). Hiện nay, khoảng 80.000 án lệ của Tòa án tối cao, khoảng 50.000 quyết định của Tòa án thuộc các cấp xét xử thấp hơn, và khoảng 3.000 phán quyết của Tòa án Hiến pháp có trong hệ thống, và tất cả các văn bản pháp luật của Hàn Quốc bao gồm Hiến pháp, văn bản luật, điều ước và văn bản hướng dẫn thực hiện đều được cung cấp miễn phí. Các tính năng của CLIS bao gồm: trước hết, các đường link liên kết (hyper link) đã được tích hợp sẵn để kết nối đến những thông tin về án lệ, luật pháp và văn bản pháp lý; thứ hai, CLIS cung cấp thông tin pháp lý cập nhật bao gồm các án lệ gần đây một cách nhanh chóng và chính xác, liên kết với hệ thống quản lý bản án nội bộ; và thứ ba, CLIS giúp truy cập công khai vào tìm kiếm thông tin pháp lý dễ dàng hơn bằng cách cung cấp chức năng từ điển thuật ngữ pháp lý và tự động truy vấn. 5. Công khai bản án bằng văn bản (Public Reading of Written Judgment)

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
			Một người muốn đọc bản án bằng văn bản có thể nộp đơn xin đọc bản án của Tòa án tối cao hoặc Tòa án thuộc các cấp xét xử thấp hơn, hoặc bằng cách đến trực tiếp Tòa án hoặc yêu cầu thông qua trang web chính thức của Tư pháp Hàn Quốc. Tòa án tối cao lưu giữ tất cả các phán quyết bằng văn bản trên toàn quốc với sự hỗ trợ của hệ thống tư pháp nội bộ được gọi là “Hệ thống quản lý bản án bằng văn bản”, và dựa trên hệ thống này, Tòa án cho phép mọi người đọc bản án. Để bảo vệ thông tin cá nhân và quyền riêng tư của các bên liên quan, Tòa án sẽ cung cấp bản án cho công chúng với thông tin cá nhân được lược bỏ/ẩn danh. 6. Hệ thống đăng ký và văn phòng đăng ký trực tuyến (Registration System (RS) and Internet Registry Office) Hệ thống đăng ký (RS) đã điện tử hóa các hồ sơ đăng ký bằng bản cứng và quản lý điện tử đối với các thông tin đăng ký. Để cải thiện dịch vụ công cộng và giảm chi phí kinh tế và xã hội, Tòa án Tối cao Hàn Quốc khuyến khích tin học hóa hệ thống đăng ký. Hệ thống này bao gồm hai phần: Hệ thống điện tử cho hoạt động đăng ký - cung cấp hỗ trợ văn phòng cho cơ quan đăng ký và hệ thống đăng ký trực tuyến cho người dùng phổ thông. Hệ thống đăng ký đã được công nhận là hoàn thiện khả năng tích hợp mô hình trưởng thành (CMMI) cấp 4 từ năm 2002 và đạt được tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) 2000 từ năm 2006. Hơn nữa, vào tháng 9 năm 2010, RS đã nhận được chứng nhận CMMI cấp 5 (chứng nhận tiêu

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
			chuẩn được quốc tế công nhận). Điều này cho thấy rằng tư pháp Hàn Quốc có công nghệ thông tin tốt nhất thế giới và liên tục nâng cao chất lượng của các dịch vụ công cộng. Tại các Tòa án và các cơ quan đăng ký trên toàn quốc, trang bị khoảng 500 máy có chức năng tự động in ấn/phát hành những bản sao có chứng nhận hoặc những bản tóm tắt thông tin của giấy chứng nhận đăng ký, để thuận tiện cho các nguyên đơn trong các tranh chấp dân sự. Điều này cho phép công chúng có được các tài liệu cần thiết mà không cần sự giúp đỡ của các quan chức Tòa án. Do đó, khoảng 1.500 máy tự phục vụ tự động được đặt trong các tòa nhà chính quyền địa phương, cho phép các nguyên đơn có được các tài liệu cần thiết mà không cần phải đến văn phòng đăng ký. Đường link tham khảo: https://eng.scourt.go.kr/eng/judiciary/eCourt/public.jsp
5.		Singapore	Tư pháp Singapore đã khởi động Hệ thống nộp đơn điện tử (EFS). EFS là một mạng lưới điện tử mang tính cách mạng, tích hợp, thiết kế trên nền tảng máy tính có phạm vi toàn quốc để tạo thuận lợi cho việc giải quyết hiệu quả và nhanh chóng những vụ kiện dân sự tại Singapore. EFS liên kết hệ thống Tư pháp của Singapore với một số văn phòng dịch vụ, các hãng luật và các tổ chức khác để tạo thành một mạng lưới rộng lớn để tạo thuận lợi cho việc tiến hành kiện tụng dân sự trong một môi trường không cần giấy tờ. EFS được thử nghiệm lần đầu tiên vào năm 1997 tại Tòa án tối cao. Việc phát triển phần mềm được thực hiện bởi Công ty Singapore Network Services với sự tư vấn của các cơ quan

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
			Tư pháp, Hiệp hội Luật Singapore, Học viện Luật Singapore và các các Phòng Chương lý. Trên trang chủ của Tòa án Tối cao của Singapore, tất cả các nội dung hỗ trợ và dịch vụ công được ghi nhận và hướng dẫn tại mục Dịch vụ (Services). Mục Dịch vụ này sẽ phân loại thành 02 mục chính (i) Dịch vụ phục vụ việc tự tìm hiểu (bao gồm những thông tin về hướng dẫn đối với án phí, các thuật ngữ dùng trong tranh tụng, giới thiệu các mô hình xét xử của Singapore), và (ii) Dịch vụ phục vụ hoạt động của Tòa án (bao gồm: cung cấp mẫu đơn, cung cấp dịch vụ giải thích pháp luật và chuyển dịch sang các ngôn ngữ khác, ...). Ngoài ra, hệ thống này cho phép đương sự nộp hồ sơ trực tuyến — và cho phép Tòa án thông báo/liên lạc với các đương sự và luật sư về vụ việc của họ thông qua e-mail, tin nhắn văn bản; quản lý các phiên điều trần; và thậm chí tổ chức một số phiên điều trần thông qua họp bằng video (video conference). Đường link tham khảo: https://www.supremecourt.gov.sg/news/supreme-court-judgments
6.		Malaysia	Malaysia xây dựng Tòa án điện tử bằng hệ thống quản lý tư pháp điện tử (CMS). Với hệ thống này, việc quản lý xét xử các vụ việc được tiến hành an toàn và có hệ thống hơn. Hệ thống này có thể được truy cập bởi nhân viên Tòa án, cán bộ và thẩm phán. Có một mô-đun phụ trong hệ thống quản lý tư pháp là “nộp đơn điện tử” và “đăng ký điện tử”. Ngoài ra, hệ thống quản lý đơn chưa được giải quyết (hay còn gọi là hệ thống quản lý đơn xếp hàng chờ- QMS - Queue Management

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
			System) cũng là một phần phụ trong mô hình quản lý tư pháp điện tử. QMS là hệ thống cơ bản nhất được sử dụng trong hệ thống quản lý tư pháp liên quan đến các Tòa án và các bên tranh chấp. Ngoài ra còn có một mô-đun phụ được đặt tên là “Cá nhân hoá trang của tôi” được thiết kế để quản lý tất cả các tranh chấp giải quyết bởi Tòa án một cách có hệ thống hơn. Cụ thể, mỗi thẩm phán đều có trang web cá nhân chứa dữ liệu và thông tin liên quan đến các vụ tranh chấp bao gồm: số lượng và tình trạng của các vụ việc đang chờ giải quyết, số lượng bản án chưa được ban hành, số lượng các vụ việc đã hoàn thành/chưa hoàn thành, ... Đường link tham khảo: https://www.researchgate.net/publication/265180160_THE_E-COURT_SYSTEM_IN_MALAYSIA
VI. Áp dụng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế ngoài Tòa án			
1.	Hầu hết các nền kinh tế được khảo sát (185 nền kinh tế) đều công nhận trọng tài thương mại là một cơ chế giải quyết tranh chấp. Phần lớn (173 nền kinh tế) cũng công nhận hòa giải hoặc trung gian như phương thức giải quyết tranh chấp thay thế ngoài Tòa án.	Việt Nam	Việt Nam ban hành bộ luật mới về tố tụng dân sự và nghị định mới về hòa giải thương mại.
2.		Namibia	Namibia thực hiện kết nối hòa giải với Tòa án.
3.		Ác-mê-ni-a (Armenia)	Ác-mê-ni-a đã ban hành quy định pháp luật mới điều chỉnh về hoạt động hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại.
4.		Brazil	Brazil đã ban hành quy định pháp luật mới điều chỉnh về hoạt động hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại.

STT	Thực tiễn tốt theo đánh giá tổng quát	Quốc gia	Chi tiết nội dung cải cách
5.		Môn-đô-va (Moldova)	Moldova đã ban hành quy định pháp luật mới điều chỉnh về hoạt động hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại.